

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

**KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT
TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI
– CHI NHÁNH THỪA THIÊN HUẾ**

Giáo viên hướng dẫn:
PGS.TS. Trịnh Văn Sơn

Sinh viên thực hiện
Văn Thị Mỹ
Lớp: K45B KTKT
Niên khóa: 2011 – 2015

Huế, tháng 5 năm 2015



cá
G
tr

E
qu
nu
tú
lô

hu
nu
de
ca

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	1
MỤC LỤC	ii
DANH MỤC VIẾT TẮT.....	v
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	vi
DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ	vii
PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1.1. Sự cần thiết của đề tài nghiên cứu.....	1
1.2. Mục tiêu của đề tài nghiên cứu.....	2
1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
1.3.1. Đối tượng nghiên cứu	2
1.3.2. Phạm vi nghiên cứu	2
1.4. Phương pháp nghiên cứu	2
1.5. Kết cấu của đề tài	3
PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ KIẾN CỨU	4
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN	4
1.1. Khái quát về ngân hàng thương mại.....	4
1.1.1. Khái niệm về ngân hàng thương mại.....	4
1.1.2. Chức năng của ngân hàng thương mại	4
1.1.3. Vai trò của ngân hàng thương mại	5
1.2. Những vấn đề chung về kế toán không dùng tiền mặt	6
1.2.1. Khái niệm về thanh toán không dùng tiền mặt.....	6
1.2.2. Vai trò của thanh toán không dùng tiền mặt	6
1.2.3. Các quy định chung mang tính nguyên tắc trong thanh toán không dùng tiền mặt	7
1.2.4. Các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.....	8

1.2.4.1. Thanh toán bằng Séc	8
1.2.4.2. Thanh toán bằng Ủy nhiệm Chi.....	11
1.2.4.3. Thanh toán bằng Thẻ Ngân hàng.....	12
1.3. Kế toán nghiệp vụ thanh toán không dùng tiền mặt.....	14
1.3.1. Kế toán thanh toán bằng Séc	14
1.3.2. Kế toán thanh toán bằng Ủy nhiệm chi	20
1.3.3. Kế toán thanh toán bằng thẻ ngân hàng	22
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN	
MẶT TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI –	
CHI NHÁNH THỪA THIÊN HUẾ	
24	24
2.1. Tổng quan về Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội (TMCP Quân Đội)	24
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	24
2.1.2. Những hoạt động chủ yếu của chi nhánh	25
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban	27
2.1.3.1. Bộ máy quản lý.....	27
2.1.3.2. Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban	29
2.1.4. Tình hình lao động của chi nhánh	30
2.2. Tổ chức công tác kế toán tại Chi nhánh	31
2.2.1. Sơ đồ bộ máy kế toán của Ngân hàng	31
2.2.2. Tổ chức vận dụng chế độ chứng từ	32
2.2.3. Tổ chức vận dụng hình thức sổ kế toán.....	32
2.2.4. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản	33
2.2.5. Hệ thống báo cáo kế toán	34
2.2.6. Các chính sách kế toán khác được áp dụng.....	34
2.3. Tình hình và kết quả kinh doanh của Ngân hàng giai đoạn 2012-2014.....	34
2.3.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn	34
2.3.2. Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh.....	37
2.4. Thực trạng công tác kế toán thanh toán không sử dụng tiền mặt tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thừa Thiên Huế.	40
2.4.1. Kế toán nghiệp vụ bằng Séc	40

2.4.2. Kế toán nghiệp vụ Ủy nhiệm chi.....	46
2.4.3. Kế toán nghiệp vụ thanh toán bằng Thẻ Ngân hàng	51
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN KHÔNG SỬ DỤNG TIỀN MẶT CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI – CHI NHÁNH THỪA THIÊN HUẾ	61
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán thanh toán không dùng tiền mặt tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Huế.....	61
3.1.1. Kết quả đạt được.....	61
3.1.2. Những hạn chế trong thanh toán không dùng tiền mặt	62
3.1.3. Nguyên nhân.....	63
3.2. Một số giải pháp đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán không dùng tiền mặt tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thừa Thiên Huế.	64
PHẦN III: KẾT LUẬN	66
DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO	68
PHỤ LỤC	69

DANH MỤC VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Diễn giải
ATM	Automatic Teller Machine
BKNS	Bảng kê nhận séc
BP	Bộ phận
CMND	Chứng minh nhân dân
DVKH	Dịch vụ khách hàng
GD	Giao dịch
GD	Giao dịch
GDV	Giao dịch viên
GTGT	Giá trị gia tăng
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
KH	Khách hàng
KSV	Kiểm soát viên
KT	Kế toán
MB	Military Bank
NH	Ngân hàng
NHNN	Ngân hàng nhà nước
NHTM	Ngân hàng thương mại
NHTW	Ngân hàng trung ương
TK	Tài khoản
TMCP	Thương mại cổ phần
TT KDTM	Thanh toán không dùng tiền mặt
TTH	Thừa Thiên Huế
UNC	Ủy nhiệm chi

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1:	Bảng phân tích tình hình lao động của Chi nhánh 3 năm 2012 – 2014.....	30
Bảng 2.2:	Bảng phân tích tình hình tài sản và nguồn vốn của NH qua 3 năm 2012 – 2014.....	36
Bảng 2.3:	Bảng phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của Chi nhánh 3 năm 2012 – 2014	39

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 - Quy trình thanh toán Séc của Khách hàng mở TK tại cùng 1 NH	9
Sơ đồ 1.2 - Quy trình thanh toán Séc của KH mở tại 2 NH.....	10
Sơ đồ 1.3 - Quy trình thanh toán UNC cùng một NH.....	11
Sơ đồ 1.4 - Quy trình thanh toán UNC khác NH	11
Sơ đồ 1.5 - Quy trình thanh toán bằng thẻ NH.....	13
Sơ đồ 2.1 - Tổ chức bộ máy quản lý của Chi nhánh Ngân hàng Quân đội TT. Huế	28
Sơ đồ 2.2 - Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Chi nhánh.	31
Sơ đồ 2.3 - Sơ đồ trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán máy.....	33

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Sự cần thiết của đề tài nghiên cứu

Ngày nay, do nhu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường bối cảnh hội nhập khu vực và thế giới của Việt Nam, thì không thể thiếu một hệ thống thanh toán để đáp ứng yêu cầu lưu thông hàng hóa một cách nhanh nhất. Cùng với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, đặt biệt là với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, thanh toán nội địa nói chung và trong thanh toán quốc tế nói riêng. Việc hạn chế sử dụng tiền mặt, mở rộng và phát triển các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt nhằm đáp ứng tốt các yêu cầu của nền kinh tế cũng như phù hợp với các chuẩn mực quốc tế trong hoạt động Ngân hàng là mục tiêu mà hệ thống ngân hàng Việt Nam đang hướng tới.

Hoạt động TTKDTM diễn ra một cách nhanh chóng và chính xác góp phần thúc đẩy nhanh tốc độ luân chuyển vốn, từ đó làm tăng vòng quay sử dụng đồng tiền và góp phần sử dụng hiệu quả đồng vốn trong nền kinh tế. Tuy nhiên, nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngày càng hoàn thiện, kịp thời và chính xác thì đòi hỏi phải tổ chức tốt khâu thanh toán để phản ánh đầy đủ các quy trình nghiệp vụ thanh toán trong công tác kế toán nhằm cung cấp thông tin cho nhà quản lý chỉ đạo điều hành các hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Do đó, vai trò của kế toán viên cũng như công tác kế toán TTKDTM trong ngân hàng là rất cần thiết.

Các hình thức TTKDTM ngày càng được sử dụng phổ biến và doanh số từ hoạt động này cũng tăng dần theo sự phát triển của nền kinh tế, góp phần không nhỏ vào thu nhập kinh doanh của ngành Ngân hàng nói chung và Ngân hàng thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Thừa Thiên Huế nói riêng.

Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của công tác kế toán nghiệp vụ TTKDTM tại Ngân hàng, cùng với những kiến thức được học và qua thời gian tìm hiểu em quyết định chọn đề tài : **“ Kế toán nghiệp vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Thừa Thiên Huế”** làm đề tài nghiên cứu tốt nghiệp.

1.2. Mục tiêu của đề tài nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu hướng đến các mục đích sau:

- Tìm hiểu các vấn đề lý luận chung liên quan đến công tác nghiệp vụ TTKDTM trong NHTM.
- Nghiên cứu và phân tích thực trạng công tác kế toán nghiệp vụ TTKDTM tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thừa Thiên Huế.
- Đánh giá công tác kế toán nghiệp vụ TTKDTM ở Chi nhánh, từ đó đưa ra đề xuất một số biện pháp nhằm cải thiện công tác kế toán nghiệp vụ TTKDTM tại Ngân hàng.

1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

1.3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là công tác kế toán nghiệp vụ TTKDTM tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thừa Thiên Huế.

1.3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Đề tài chỉ tập trung tìm hiểu 3 hình thức TTKDTM phổ biến tại Chi nhánh là thanh toán bằng Séc, Ủy nhiệm chi và Thẻ Ngân hàng.
- Về thời gian: Từ 01/02/ 2015 – 25/04/ 2015
- Về không gian: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thừa Thiên Huế.

1.4. Phương pháp nghiên cứu

Quá trình nghiên cứu đề tài, em sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Là phương pháp tham khảo các tài liệu từ các nguồn như sách vở, các khóa luận năm trước, các website, văn bản và các thông tư chính sách của Bộ Tài chính... để tạo cơ sở khoa học cho đề tài nghiên cứu
- Phương pháp hạch toán kế toán : Đây là phương pháp hệ thống hóa thông tin kinh tế thu thập được bằng hệ thống các chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán và lập các báo cáo tài chính.
- Phương pháp quan sát và phỏng vấn trực tiếp: Là phương pháp được thực hiện trong suốt quá trình thực tập tại đơn vị.
- Phương pháp so sánh: Là phương pháp dựa vào những số liệu của những năm trước về tình hình lao động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng để tiến hành so

sánh, đối chiếu để thấy được sự tăng giảm, biến động của các chỉ tiêu trong từng giai đoạn, thời kỳ kinh doanh của đơn vị.

- Phương pháp tổng hợp, xử lý số liệu: Là phương pháp tổng hợp, phân tích những số liệu thô đã thu thập được để tiến hành khái quát vấn đề nghiên cứu. Từ đó, đưa ra kết luận, nhận xét và kiểm nghị.

1.5. Kết cấu của đề tài

Kết cấu của đề tài gồm 3 phần:

- Phần I: Đặt Vấn Đề
- Phần II: Nội Dung Và Kết Quả Nghiên Cứu, gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán nghiệp vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Quân đội – Chi nhánh Thừa Thiên Huế.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nghiệp vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại Ngân hàng Thương mại.

Chương 3: Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nghiệp vụ không dùng tiền mặt tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thừa Thiên Huế.

- Phần III: Kết luận

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ KIẾN CỨU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN

1.1. Khái quát về ngân hàng thương mại

1.1.1. Khái niệm về ngân hàng thương mại

Theo *Luật các Tổ chức tín dụng của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (ngày 26/12/1997) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng (có hiệu lực thi hành ngày 01/10/2004) quy định: “ Ngân hàng là loại hình tổ chức tín dụng được thực hiện toàn bộ hoạt động NH và các hoạt động có liên quan”. Trong đó, hoạt động NH là HĐKD tiền tệ và dịch vụ NH với nội dung thường xuyên là nhận tiền gửi, sử dụng số tiền này để cấp tín dụng và cung cấp các dịch vụ thanh toán”.

Như vậy, có thể thấy NHTM là một loại hình doanh nghiệp đặt biệt kinh doanh về tiền tệ và dịch vụ với hoạt động thường xuyên huy động vốn, cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, cung cấp các dịch vụ tài chính và các hoạt động khác có liên quan nhằm mục tiêu lợi nhuận trên cơ sở chấp hành pháp luật của nhà nước.

1.1.2. Chức năng của ngân hàng thương mại

➤ Trung gian tín dụng:

Đây là chức năng quan trọng nhất của NHTM. Ngân hàng thương mại một mặt thu hút các khoản tiền nhàn rỗi trong nền kinh tế, mặt khác nó dùng chính số tiền đã huy động được để cho vay đối với các thành phần kinh tế trong xã hội, hay nói cách khác là một tổ chức đóng vai trò “cầu nối” giữa các đơn vị thừa vốn với các đơn vị thiếu vốn. Thông qua sự điều chuyển này, ngân hàng thương mại có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng việc làm, cải thiện mức sống dân cư, ổn định thu chi Chính phủ. Đồng thời, chức năng này còn góp phần quan trọng trong việc điều hoà lưu thông tiền tệ, kiềm chế lạm phát. Từ đó cho thấy rằng, đây là chức năng cơ bản nhất của ngân hàng thương mại.

➤ **Trung gian thanh toán**

Nếu như mọi khoản chi trả của xã hội đều được thực hiện bên ngoài ngân hàng thì chi phí thực hiện là rất lớn, bao gồm: Chi phí in, đúc, bảo quản, vận chuyển tiền... Với sự ra đời của ngân hàng thương mại, phần lớn các khoản chi trả trong hoạt động mua bán trao đổi hàng hoá dịch vụ của xã hội dần được thực hiện qua ngân hàng, với những hình thức thanh toán phù hợp, thủ tục đơn giản, nhanh chóng, thuận tiện với công nghệ ngày càng hiện đại hơn. Chính nhờ tập trung công việc thanh toán của xã hội ở ngân hàng nên việc lưu thông hàng hoá dịch vụ trở nên nhanh chóng, an toàn, tiết kiệm hơn. Không những vậy, do thực hiện chức năng trung gian thanh toán, ngân hàng thương mại có điều kiện huy động tiền gửi của toàn xã hội nói chung và của doanh nghiệp nói riêng tới mức tối đa, tạo nguồn vốn cho đầu tư phát triển, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

➤ **Chức năng tạo tiền**

Xuất phát từ khả năng thay thế lượng tiền giấy bạc trong lưu thông bằng những phương tiện thanh toán khác như séc, uỷ nhiệm chi... Chức năng này được thực hiện thông qua nghiệp vụ tín dụng và đầu tư của hệ thống ngân hàng thương mại, trong mối liên hệ chặt chẽ với hệ thống dự trữ quốc gia. Hệ thống tín dụng là điều kiện cần thiết cho phát triển kinh tế theo hệ số tăng trưởng vững chắc. Mục đích của chính sách dự trữ quốc gia là đưa ra một khối lượng tiền cung ứng phù hợp với chính sách ổn định về giá cả, tăng trưởng kinh tế ổn định và tạo được việc làm.

1.1.3. Vai trò của ngân hàng thương mại

NHTM là một định chế tài chính trung gian có đóng góp rất lớn đối với nền kinh tế. Bất kỳ một quốc gia nào có nền kinh tế phát triển, đang phát triển, thậm chí chưa phát triển thì hoạt động ngân hàng cũng có tác dụng to lớn đến hoạt động của nền kinh tế. Trong nền kinh tế thị trường, vai trò của ngân hàng được thể hiện như sau:

- Ngân hàng là nơi tập trung tiền nhàn rỗi và cung ứng tiền vốn cho quá trình sản xuất kinh doanh.
- Ngân hàng là trung gian trong quá trình thanh toán góp phần thúc đẩy quá trình lưu thông hàng hoá nhanh chóng.
- Ngân hàng góp phần điều tiết và kiểm soát thị trường tiền tệ, thị trường vốn.

- Ngân hàng góp phần thu hút, mở rộng đầu tư trong và ngoài nước và cung cấp các dịch vụ tài chính khác.

1.2. Những vấn đề chung về kế toán không dùng tiền mặt

1.2.1. Khái niệm về thanh toán không dùng tiền mặt

Theo Nghị định Số 101/2012/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 22 tháng 11 năm 2012 về thanh toán không dùng tiền mặt thì : “Dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt (sau đây gọi là dịch vụ thanh toán) bao gồm dịch vụ thanh toán qua tài khoản thanh toán và một số dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng”.

1.2.2. Vai trò của thanh toán không dùng tiền mặt

Trong nền kinh tế thị trường, thanh toán không dùng tiền mặt có một vai trò hết sức quan trọng đối với từng cá nhân, từng đơn vị kinh tế và đối với toàn bộ nền kinh tế. Nó đáp ứng được đòi hỏi của sản xuất và lưu thông hàng hóa trong nền kinh tế thị trường, làm cho Ngân hàng trở thành trung tâm thanh toán của nền kinh tế. Vai trò của thanh toán không dùng tiền mặt được thể hiện :

➤ Đối với Ngân hàng

Thanh toán không dùng tiền mặt góp phần tăng nhanh nguồn vốn của Ngân hàng, mở rộng nghiệp vụ kinh doanh. Khi các doanh nghiệp mở tài khoản tại Ngân hàng sẽ mang lại cho Ngân hàng nguồn vốn tương đối lớn để cho vay, đầu tư phát triển kinh tế. Nó thúc đẩy nghiệp vụ tín dụng của Ngân hàng phát triển, giúp Ngân hàng hạn chế rủi ro trong kinh doanh tín dụng, qua đó nắm được đặc điểm tình hình kinh doanh của khách hàng. Khi khách hàng mở tài khoản tại Ngân hàng và ký thác vốn của mình vào đó sẽ tạo điều kiện cho Ngân hàng kiểm soát được một phần lượng tiền trong nền kinh tế, cũng như khả năng tài chính, tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó ngân hàng tiến hành cung ứng một lượng tiền thích hợp cho nền kinh tế.

➤ Đối với doanh nghiệp

Thanh toán không dùng tiền mặt góp phần thúc đẩy nhanh tốc độ thanh toán, tốc độ chu chuyển vốn và quá trình tái sản xuất trong hoạt động kinh doanh. Mặt khác, thanh toán không dùng tiền mặt gửi tại Ngân hàng, việc thanh toán đảm bảo sự an toàn

về vốn cũng như tài sản của doanh nghiệp tránh được những rủi ro đáng tiếc có thể xảy ra trong quá trình thanh toán.

➤ **Đối với quản lý vĩ mô của Nhà nước**

Đối với nền kinh tế, việc tăng tỷ trọng thanh toán không dùng tiền mặt trong lưu thông góp phần tiết kiệm chi phí, giúp Ngân hàng TW có khả năng điều tiết cung ứng tiền tệ cho phù hợp với nhu cầu thông qua việc tăng giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc của các Ngân hàng, đảm bảo ổn định sức mua của đồng tiền.

Có thể thấy, trong xu thế mở cửa của nước ta hiện nay, thanh toán không dùng tiền mặt có những vai trò trực tiếp cũng như gián tiếp ảnh hưởng tới 3 thành phần quan trọng của nền kinh tế đó là: Doanh nghiệp, Ngân hàng và Nhà nước. Thực hiện tốt công tác thanh toán không dùng tiền mặt sẽ giúp các thành phần này đạt hiệu quả cao trong hoạt động của mình, đồng thời thúc đẩy nền kinh tế nước ta ngày càng phát triển.

1.2.3. Các quy định chung mang tính nguyên tắc trong thanh toán không dùng tiền mặt

➤ **Cơ sở pháp lý của hệ thống TTKDTM:**

- Nghị định 91/ CP ngày 25/11/1993 về “Tổ chức TTKDTM”, trên cơ sở Nghị định 92/CP Thống đốc NHNN Việt Nam đã ban hành Quyết định số 22/ QĐ – NH ngày 21/02/1994 ban hành “ Thể lệ TTKDTM”.

- Quyết định số 226/2002/QĐ-NHNN ngày 26/03/2002 về “ Quy chế hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán” thay thế cho Quyết định 22/QĐ-NH.

- Nghị Định mới nhất đó Nghị định Số 101/2012/NĐ-CP ban hành ngày 22 tháng 11 năm 2012 về “thanh toán không dùng tiền mặt”.

➤ **Các nguyên tắc về TTKDTM:**

- Các chủ thể tham gia thanh toán (kể cả pháp nhân và thể nhân) đều phải thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và được quyền lựa chọn hình thức cung ứng dịch vụ thanh toán để mở tài khoản.

- Số tiền thanh toán giữa người chi trả và người thụ hưởng phải dựa trên cơ sở lượng hàng hóa, dịch vụ đã giao giữa người mua và người bán.

- Người bán hay còn gọi là người cung cấp hàng hóa, dịch vụ là người thừa hưởng số tiền do người chi trả chuyển vào tài khoản của mình nên phải có trách nhiệm

giao hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ kịp thời và đúng lượng giá trị người mua đã thanh toán. Đồng thời, phải kiểm soát kỹ càng các chứng từ phát sinh trong quá trình thanh toán.

- Là trung gian thanh toán giữa người mua và người bán, các tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán phải thực hiện đúng vai trò trung gian thanh toán.

1.2.4. Các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt

Theo Quyết định 22/NH 21/01/1994 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành, các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt được áp dụng trong hệ thống ngân hàng bao gồm: Séc, Ủy nhiệm chi, Ủy nhiệm thu, Thư tín dụng, Ngân phiếu thanh toán, Thẻ thanh toán.

Tuy nhiên, tại Chi nhánh ngân hàng đang thực tập chỉ sử dụng phổ biến 3 loại hình thức thanh toán không dùng tiền mặt là Séc, Thẻ ngân hàng và Ủy nhiệm Chi. Vì vậy, các hình thức khác em xin không đề cập đến trong đề tài nghiên cứu.

1.2.4.1. Thanh toán bằng Séc

➤ Khái niệm

Séc là một tờ mệnh lệnh trả tiền vô điều kiện do một khách hàng của ngân hàng ra lệnh cho ngân hàng trích một số tiền nhất định trên tài khoản của mình mở tại ngân hàng để trả cho người cầm Séc hoặc cho người được chỉ định trên tờ Séc (tổ chức kinh tế hay cá nhân). Séc là một mệnh lệnh, chứ không phải là một yêu cầu, do đó khi nhận được Séc Ngân hàng chấp nhận vô điều kiện, trừ trường hợp tài khoản của người phát hành không đủ hoặc không có tiền trả.

Séc gồm có bốn loại bao gồm: Séc lĩnh tiền mặt, Séc chuyển khoản, Séc bảo chi và séc cá nhân.

+ Séc lĩnh tiền mặt: Là loại séc chỉ dùng để rút tiền mặt tại NH nơi khách hàng mở tài khoản.

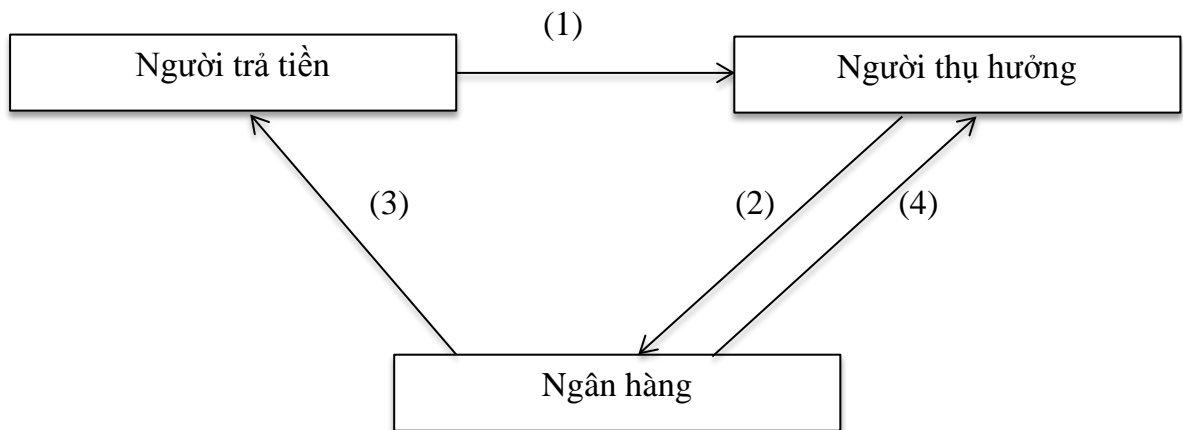
+ Séc chuyển khoản: Là loại Séc chỉ được thanh toán bằng cách trích chuyển TK gửi từ các chủ thẻ thanh toán mà không được dùng để rút tiền mặt tại NH.

+ Séc bảo chi: Là loại séc thanh toán được ngân hàng đảm bảo chi trả bằng cách trích trước số tiền tờ séc từ TK tiền gửi của người trả tiền sang tài khoản đảm bảo khả năng thanh toán séc.

+ Séc cá nhân: Là loại Séc áp dụng đối với khách hàng có tài khoản tiền gửi đứng tên cá nhân tại ngân hàng để thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ và các khoản thanh toán khác.

➤ Quy trình thanh toán:

- Trường hợp các Khách hàng mở Tài khoản cùng 1 Chi nhánh NH:

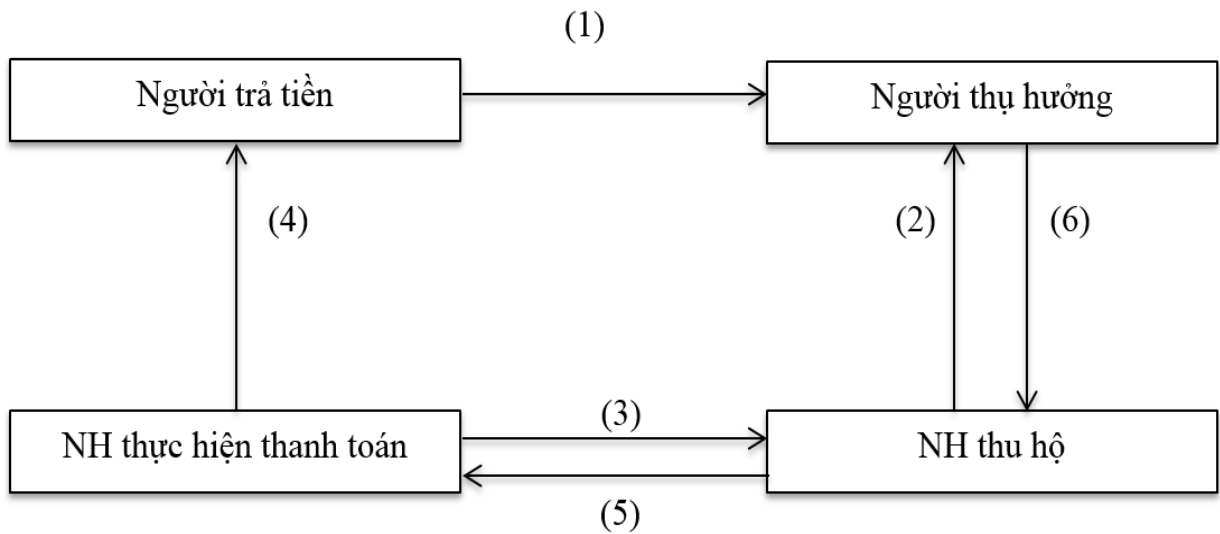


Sơ đồ 1.1 – Quy trình thanh toán Séc của Khách hàng mở TK tại cùng 1 NH

Giải thích sơ đồ 1.1.

- (1) Người trả tiền phát hành và giao cho người thụ hưởng.
- (2) Người thụ hưởng tiếp nhận séc, sau khi kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của tờ séc, lập 3 liên bảng kê nộp séc (BKNS) vào Ngân hàng xin thanh toán.
- (3) Ngân hàng kiểm tra tờ séc nếu đủ điều kiện thì tiến hành trích tài khoản tiền gửi của người trả tiền và báo nợ cho họ.
- (4) Ngân hàng ghi có vào tài khoản của bên người hưởng thụ và báo cho họ. Sau khi kiểm tra toàn bộ các yếu tố của tờ séc.

- Trường hợp Khách hàng mở TK tại 2 ngân hàng



Sơ đồ 1.2 – Quy trình thanh toán Séc của KH mở tại 2 NH

Giải thích sơ đồ 1.2:

(1) Ngân hàng tiến hành kiểm tra các yếu tố của tờ séc và BKNS và chuyển cho Ngân hàng phục vụ người trả tiền.

(2) Ngân hàng phục vụ người trả tiền sau khi kiểm tra các yếu tố của tờ séc tiến hành trích tài khoản của người trả tiền và báo nợ cho họ

(3) Ngân hàng phục vụ người trả tiền dùng các liên BKNS lập chứng từ thanh toán bù trừ và chuyển cho Ngân hàng phục vụ người thụ hưởng để thanh toán cho người thụ hưởng.

(4) Ngân hàng phục vụ người thụ hưởng tiếp nhận các BKNS ghi có tài khoản của người và báo cáo cho họ.

(5) Sau khi kiểm tra các yếu tố của tờ séc nếu đủ điều kiện thanh toán thì kế toán Ngân hàng hạch toán: theo nguyên tắc ghi nợ trước có sau, Ngân hàng làm thủ tục chuyển séc sang Ngân hàng đối phương đồng thời ghi nhập tài khoản ngoại bảng.

(6) Ngân hàng phục vụ đơn vị phát hành séc sau khi nhận được séc kèm các chứng từ phải kiểm tra lại các yếu tố, số dư tài khoản sẽ thanh toán đồng thời chuyển toàn bộ chứng từ cho Ngân hàng nhận séc.

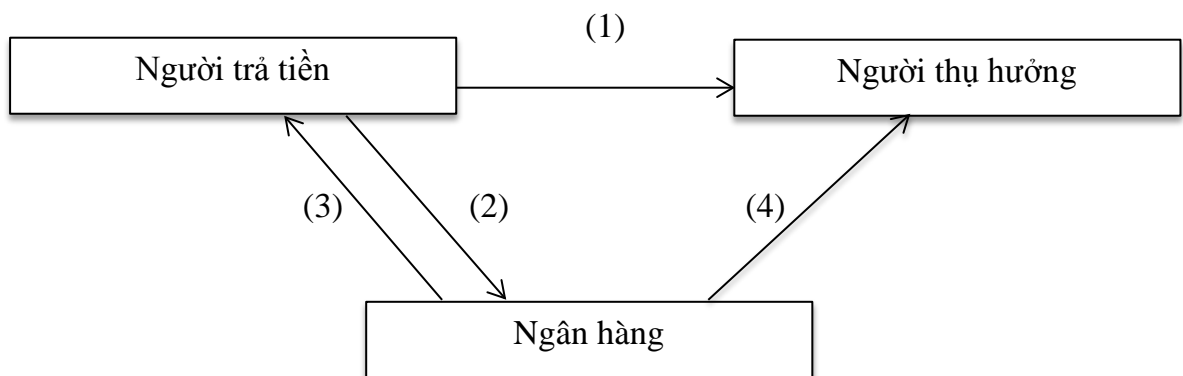
1.2.4.2. Thanh toán bằng Ủy nhiệm Chi

➤ **Khái niệm**

- Ủy nhiệm chi (hoặc lệnh chi) là phương tiện thanh toán mà người trả tiền lập lệnh thanh toán theo mẫu do Ngân hàng quy định, gửi cho ngân hàng nơi mình mở tài khoản yêu cầu trích một số tiền nhất định trên tài khoản của mình để trả cho người thụ hưởng.

➤ Quy trình thanh toán:

- Trường hợp các KH mở TK tại cùng 1 Chi nhánh NH:

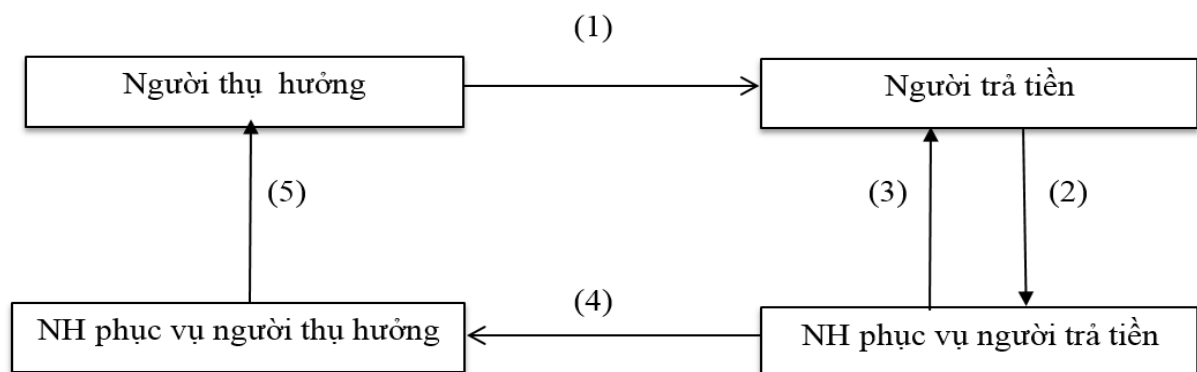


Sơ đồ 1.3 – Quy trình thanh toán UNC cùng một NH

Giải thích sơ đồ 1.3:

- (1) Bên bán giao hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho bên thụ hưởng theo hợp đồng đã được ký kết.
- (2) Người trả tiền lập Ủy nhiệm chi gửi tới Ngân hàng.
- (3) Ngân hàng sẽ tiến hành kiểm tra nếu hợp lệ thì ghi Nợ và báo Nợ cho bên mua.
- (4) Ngân hàng tiến hành ghi Có và báo Có cho bên bán.

- Trường hợp Khách hàng mở TK tại 2 Chi nhánh NH



Sơ đồ 1.4- Quy trình thanh toán UNC khác NH

Giải thích sơ đồ 1.4

(1) Người bán (người thụ hưởng) bàn giao hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ cho bên mua (bên trả tiền)

(2) Bên mua lập ủy nhiệm chi theo mẫu và gửi đến NH phục vụ mình để thanh toán tiền cho bên bán.

(3) Ngân hàng bên mua kiểm tra ủy nhiệm chi do bên mua chuyển đến, nếu tất cả hợp lệ thì tiến hành thanh toán bằng cách trích tiền chuyển trên tài khoản của bên mua (ghi Nợ tài khoản bên mua) để trả tiền cho bên bán.

(4) Ngân hàng phục vụ bên chi trả thanh toán cho NH phục vụ bên thụ hưởng.

(5) Ngân hàng bên thụ hưởng tiến hành ghi Có và báo Có cho bên thụ hưởng.

1.2.4.3. Thanh toán bằng Thẻ Ngân hàng

- Khái niệm: Thẻ ngân hàng là công cụ thanh toán do NH phát hành và bán cho khách hàng sử dụng để trả tiền hàng hóa, dịch vụ, các khoản thanh toán khác hoặc rút tiền mặt tại các máy rút tiền từ động ATM

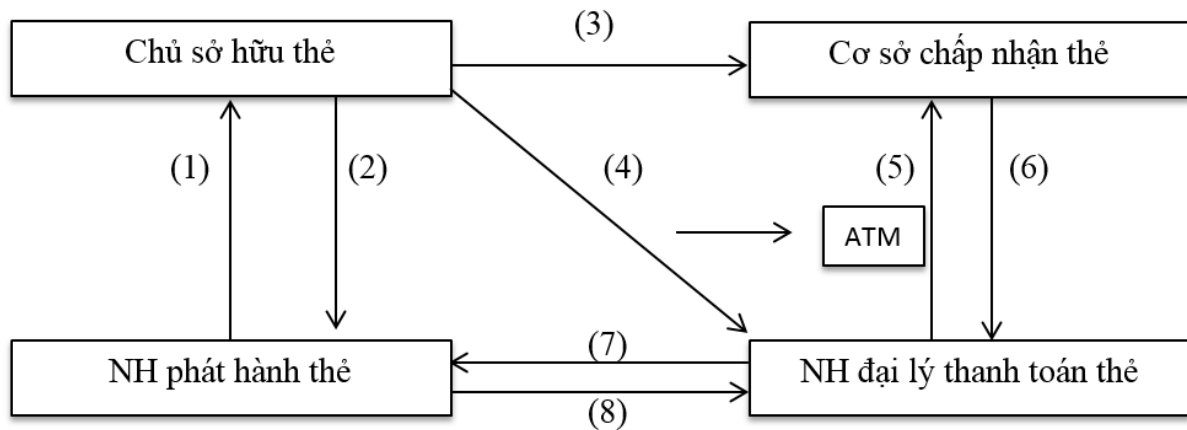
- Thẻ ngân hàng gồm các 3 loại thẻ: Thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng và thẻ rút tiền mặt.

+ Thẻ ghi nợ: Là loại thẻ gắn liền với TK tiền gửi thanh toán và TK Séc của khách hàng sử dụng loại thẻ này thì giá trị giá trị giao dịch được khấu trừ ngay vào TK của KH. Đồng thời, ghi Có ngay vào TK của người thụ hưởng.

+ Thẻ tín dụng: Là loại thẻ được sử dụng phổ biến, NH cho phép chủ thẻ tín dụng một hạn mức nhất định. Đối với những KH có quan hệ thường xuyên với NH, có tình hình tài chính tốt, luôn đảm bảo có khả năng thanh toán thì NH cho phép sử dụng thẻ tín dụng.

+ Thẻ rút tiền mặt: Với chức năng chuyên biệt chỉ để rút tiền mặt, nên chủ thẻ phải ký quỹ một số tiền bằng với số tiền trên thẻ. Hiện nay thẻ ATM dùng để rút tiền mặt tại các máy ATM, chủ thẻ có thể thực hiện giao dịch thanh toán các chi phí như chi phí điện, nước, điện thoại ...

➤ Quy trình thanh toán bằng thẻ ngân hàng:



Sơ đồ 1.5- Quy trình thanh toán bằng thẻ NH

Giải thích sơ đồ 1.5

(1) Các đơn vị, cá nhân có nhu cầu giao dịch thanh toán thẻ liên hệ với ngân hàng phát hành để được sử dụng dịch vụ thẻ thanh toán.

(2) Ngân hàng phát hành tiến hành việc phát hành thẻ và cung cấp thẻ thanh toán cho khách hàng theo từng loại phù hợp với đối tượng và điều kiện quy định.

(3) Chủ thẻ mua hàng hóa, dịch vụ tại các đơn vị chấp nhận thẻ và giao thẻ cho người tiếp nhận kiểm tra. Nếu đảm bảo an toàn, hợp lệ và chính xác thì đơn vị chấp nhận thẻ sẽ thực hiện cà thẻ qua máy và in biên lai thanh toán phù hợp với giá trị hàng hóa và dịch vụ để trừ vào giá trị của thẻ rồi trả lại thẻ cho người sử dụng.

(4) Chủ thẻ cũng có thể yêu cầu ngân hàng đại lý thanh toán thẻ cho rút tiền mặt hoặc tự mình rút tiền tại máy ATM.

(5) Đơn vị chấp nhận thẻ nộp biên lai cùng các hóa đơn chứng từ hàng hóa liên quan vào ngân hàng đại lý.

(6) Ngân hàng đại lý tiến hành trả tiền cho đơn vị chấp nhận thẻ theo số tiền đã phản ánh ở biên lai bằng cách ghi Có vào tài khoản của đơn vị chấp nhận thẻ

(7) Ngân hàng đại lý thanh toán thẻ lập bảng kê và chuyển biên lai đã thanh toán cho ngân hàng phát hành thẻ

(8) Ngân hàng phát hành thẻ hoàn lại số tiền mà ngân hàng đại lý đã thanh toán trên cơ sở các biên lai hợp lệ.

1.3. Kế toán nghiệp vụ thanh toán không dùng tiền mặt

1.3.1. Kế toán thanh toán bằng Séc

Người thụ hưởng nộp Séc vào NH kèm theo 3 liên BKNS trong thời gian hiệu lực. Ngân hàng sẽ kiểm tra tình hợp pháp, hợp lệ của Séc. Nếu BKNS đủ điều kiện thì sẽ thanh toán cho KH; nếu không đủ điều kiện thì sẽ từ chối thanh toán có nêu rõ lý do. Tờ sau khi kiểm tra sẽ xử lý tùy theo người phát hành và người thụ hưởng mở TK ở cùng hay khác NH.

a. Nếu Séc được thanh toán ở cùng một ngân hàng.

❖ Đối với Séc chuyển khoản:

- Tài khoản sử dụng bao gồm 2 tài khoản chính: TK 2111 “ Cho vay ngắn hạn” và TK 4211 “ Tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng”

- Chứng từ sử dụng và xử lý:

Tờ Séc, BKNS gồm 3 liên:

- + Tờ séc dùng làm chứng từ ghi Nợ TK 4211
- + 1 liên BKNS dùng làm chứng từ báo cáo Nợ người phát hành.
- + 1 liên BKNS dùng làm chứng từ ghi Có TK 4211, 2111.
- + 1 liên BKNS dùng làm chứng từ báo Có cho người thụ hưởng.

- Phương pháp hạch toán:

NH kiểm tra số dư TK của người phát hành, nếu đủ số dư thì hạch toán:

Nợ TK 4211 (người phát hành)

Có Tk 4211, 2111 (người thụ hưởng)

❖ Đối với séc lĩnh tiền mặt

- Tài khoản sử dụng: bao gồm 2 TK chính: TK 1011 “ Tiền mặt tại đơn vị” và TK 4211 “ Tiền gửi không kỳ hạn của NH”

- Chứng từ sử dụng và xử lý:

Tờ Séc, BKNS gồm 3 liên:

- + Tờ séc dùng làm chứng từ ghi Nợ TK 4211
- + 1 liên BKNS dùng làm chứng từ báo cáo Nợ người phát hành.
- + 1 liên BKNS dùng làm chứng từ ghi Có TK 4211, 2111.

+ 1 liên BKNS dùng làm chứng từ báo Có cho người thụ hưởng.

- Phương pháp hạch toán:

NH tiến hành kiểm soát số dư TK của người phát hành và CMND của người lĩnh tiền mặt, đủ điều kiện để thanh toán thì NH sẽ ghi ngày, tháng, năm thanh toán và ký tên. Sau đó, làm thủ tục chi trả tiền cho KH và hạch toán.

Nợ TK 4211 (người phát hành)

Có TK 1011

❖ **Séc bảo chi**

- Tài khoản sử dụng bao gồm các tài khoản chính sau: TK 1011, 4211, 2111 và TK 4271 “ tiền ký gửi để đảm bảo thanh toán Séc”.

- Chứng từ sử dụng và xử lý:

Tờ Séc, BKNS gồm 3 liên:

+ Tờ séc dùng làm chứng từ ghi Nợ TK 4271

+ 1 liên BKNS dùng làm chứng từ thông báo tắt toán TK 4271 cho người phát hành.

+ 1 liên BKNS dùng làm chứng từ ghi Có TK 1011, 4211, 2111.

+ 1 liên BKNS dùng làm chứng từ báo Có hoặc biên nhận rút tiền mặt từ người thụ hưởng.

- Phương pháp hạch toán:

Nợ TK 4271

Có TK 1011, 4211, 2111

b. Nếu Séc được thanh toán tại NH phát hành, có tham gia thanh toán bù trừ với NH phát hành.

❖ **Séc chuyển khoản**

- Tài khoản sử dụng bao gồm TK 4211 và TK 5012 “ Thanh toán bù trừ giữa NH thành viên”.

- Chứng từ sử dụng và xử lý:

Tờ séc, bảng kê chứng từ thanh toán bù trừ gồm 2 liên (bảng kê 12), BKNS gồm 3 liên:

- NH bên phát hành:

- + Lập thêm 2 liên bảng kê chứng từ thanh toán bù trừ.
- + Tờ séc dùng làm chứng từ ghi Nợ TK 4211
- + 1 BKNS dùng làm chứng từ báo Nợ đơn vị phát hành.
- + 1 Bảng kê 12 dùng làm chứng từ ghi Có TK 5012
- + 2 liên BKNS và 1 bảng kê 12 chuyển cho bên thụ hưởng.

- NH bên thụ hưởng:

- + Bảng kê 12 dùng làm chứng từ ghi Nợ TK 5012
- + 1 liên BKNS dùng làm chứng từ ghi Có TK 4211
- + 1 liên BKNS dùng làm chứng từ báo Có cho bên thụ hưởng.

- Phương pháp hạch toán:

+ Người thụ hưởng nộp séc vào NH nơi người thụ hưởng mở TK thì séc được chuyển về NH bên phát hành. NH bên phát hành sẽ tiến hành kiểm tra lại và hạch toán như sau:

Nợ TK 4211 (đơn vị phát hành)

Có TK 5012

+ Tại NH bên thụ hưởng khi nhận được các chứng từ (2 liên BKNS và 1 bảng kê 12) sẽ tiến hành kiểm tra và hạch toán:

Nợ TK 5012

Có TK 4211 (Người thụ hưởng)

- ❖ **Séc lĩnh tiền mặt**

- Tài khoản sử dụng bao gồm TK 1011 và TK 4211
- Chứng từ sử dụng và xử lý:

Séc lĩnh tiền mặt được rút tiền tại đơn vị thanh toán (NH mở TK của người phát hành). Kiểm soát số dư TK của người phát hành và cả CMND của người lĩnh tiền mặt, đủ điều kiện thì hạch toán.

- Phương pháp hạch toán:

Nợ TK 4211 (người phát hành)

Có TK 1011

❖ **Séc bảo chi**

- Tài khoản sử dụng bao gồm TK 4211, TK 4271 và TK 5012.
- Chứng từ sử dụng và xử lý.

Tờ séc, bảng kê 12 gồm 2 liên, BKNS gồm 3 liên.

- Tại NH bên thụ hưởng:

+ Lập thêm 2 liên bảng kê 12

+ 1 liên bảng kê 12 dùng để ghi Nợ TK 5012

+ 2 liên BKNS dùng để ghi Có TK 4211 và báo Có người thụ hưởng

+ Tờ séc, 1 liên bảng kê 12 và 1 BKNS gửi cho NH phát hành

- Tại NH phát hành

+ Bảng kê 12 dùng làm chứng từ ghi Có TK 5012

+ Séc dùng làm chứng từ ghi Nợ TK 4211

+ BKNS dùng làm chứng từ thông báo tắt toán TK 4271 cho người phát hành

- Phương pháp hạch toán:

+ Tại NH bên thụ hưởng khi nhận Séc:

Nợ TK 5012

Có TK 4211 (đơn vị thụ hưởng)

+ Tại bên phát hành: Khi nhận được séc chứng từ của ngân hàng bên thụ hưởng gửi. Tiến hành kiểm tra nếu hợp lệ thì xử lý:

Nợ TK 4271

Có TK 5012

c. Nếu séc thanh toán trong 2 ngân hàng cùng hệ thống

Thông thường trường hợp này thủ tục thanh toán do Tổng giám đốc các NH hướng dẫn cụ thể và chỉ xảy ra loại séc chuyển khoản và séc bảo chi. Quy trình hạch toán như sau:

❖ **Séc chuyển khoản**

- Tài khoản sử dụng bao gồm các TK sau: TK 4211, TK 5211 “Liên hàng chuyển đi năm nay”, TK 5111 “chuyển tiền đi năm nay”, TK 5212 “liên hàng đến năm nay” và TK 5112 “Chuyển tiền đến năm nay”.

- Chứng từ sử dụng và xử lý
Séc, giấy báo Có liên hàng (Lệnh chuyển Có) gồm 2 liên, BKNS 3 liên.
 - Tại NH bên thụ hưởng: nếu người thụ hưởng nộp séc vào thì tiến hành kiểm tra và chuyển về NH phát hành.
 - Tại NH phát hành:
 - + Lập giấy báo Có liên hàng hoặc lệnh chuyển Có gửi đi cho NH bên thụ hưởng.
 - + Tờ séc dùng làm chứng cứ ghi Nợ TK 4211
 - + 1 liên giấy bào (Lệnh chuyển Có) dùng làm chứng từ ghi Có TK 5211, 5111
 - + 2 BKNS và giấy báo gửi cho NH bên thụ hưởng.
 - Tại NH bên thụ hưởng:
 - + Giấy báo (Lệnh chuyển Có) dùng làm chứng từ ghi Có TK 4211 và báo Có cho người thụ hưởng.
 - Phương pháp hạch toán:
 - + Tại NH phát hành: Sau khi kiểm tra séc của KH nộp hoặc của NH thụ hưởng chuyển đến thì hạch toán:
Nợ TK 4211 (Đơn vị phát hành)
 Có TK 5211, 5111
 - + Tại NH bên thụ hưởng: Nếu nhận lệnh chuyển Có thì kiểm tra mật mã và in ra chứng từ, nếu nhận giấy báo qua mạng chuyển tiền điện tử thì phục hồi giấy báo kiểm tra và xử lý.
Nợ TK 5212, 5112
 Có TK 4211 (Người thụ hưởng)
- ❖ **Séc bảo chi**
- Tài khoản sử dụng bao gồm các TK sau: TK 4211, TK 4271, TK 5211 “Liên hàng chuyển đi năm nay”, TK 5111 “Chuyển tiền đi năm nay”, TK 5212 “Liên hàng đến năm nay” và TK 5112 “Chuyển tiền đến năm nay”.
 - Chứng từ sử dụng và xử lý:
Séc, giấy báo NH (Lệnh chuyển Nợ) gồm 2 liên, BKNS 2 liên.

- Tại NH bên thụ hưởng:.

+ Lập giấy báo Có NH (Lệnh chuyển Nợ) dùng 1 liên làm chứng cứ ghi Nợ TK 5211, 5111.

+ 2 BKNS dùng làm chứng từ ghi Có TK 4211 và Có cho đơn vị thụ hưởng.

+ Tờ séc, BKNS và giấy báo gửi NH bảo chi.

- Tại NH bảo chi:

+ Tờ séc dùng làm chứng từ ghi Nợ TK 4271.

+ BKNS báo tất toán TK 4271

+ Giấy báo (Lệnh chuyển Nợ) dùng làm chứng từ ghi Có TK 5212, 5112

Phương pháp hạch toán:

• Tại NH bên thụ hưởng: Nếu Tổng giám đốc ngân hàng của hệ thống quy định phải chuyển về NH bảo chi trước khi ghi Có thì quá trình xử lý giống như séc chuyển khoản. Nếu Tổng giám đốc NH cho phép ghi Có tức thì thì hạch toán:

Nợ TK 5211, 5111

Có TK 4211 (Người thụ hưởng)

• Tại ngân hàng bên bảo chi: Sau khi kiểm tra các chứng từ nhận được, định khoản như sau:

Nợ TK 4271

Có TK 5212, 5112

d. Séc thanh toán khác Ngân hàng

- Theo quy định của NHNN, các NH không phải là NH mở TK cho đơn vị phát hành séc không phải là đơn vị thanh toán, thì gọi là đơn vị thu hộ có quyền thu phí dịch vụ thanh toán séc của KH nhờ thu hộ

- Các khoản thu này ghi vào thu phí dịch vụ thanh toán và phải hạch toán tách riêng phần thuế GTGT để hạch toán:

Nợ TK 4211, 1011

Có TK 711 “Thu dịch vụ thanh toán”

Có TK 4531 “Thuế GTGT”

- Trường hợp đơn vị thu hộ chuyển séc chậm do lỗi của mình, gây thiệt hại cho người thụ hưởng thì phải bồi thường, số bồi thường tính như sau:

Số tiền bồi thường = số tiền ghi trên séc x số ngày chuyển chậm x lãi suất nợ quá hạn

Số ngày chuyển chậm được tính từ ngày người thụ hưởng nộp séc vào đơn vị thu hộ đến ngày séc đến đơn vị thanh toán.

1.3.2. Kế toán thanh toán bằng Ủy nhiệm chi

a. Trường hợp người trả tiền và người thụ hưởng cùng mở TK tại 1 NH.

- Tài khoản sử dụng: TK 4211
- Chứng từ sử dụng: UNC gồm 3 liên
- Phương pháp hạch toán:

+ Khi KH nộp UNC vào NH yêu cầu NH trả tiền cho người thụ hưởng, NH cần kiểm tra chứng từ về mặt hình thức, nội dung chứng từ, khả năng thanh toán, nếu các điều kiện thỏa mãn quy định hiện hành, hạch toán:

Nợ TK 4211 (đơn vị trả tiền)

Có TK 4211 (đơn vị thụ hưởng)

+ Xử lý chứng từ: 1 liên UNC dùng làm chứng từ ghi Nợ TK 4211 đơn vị trả tiền và ghi Có đơn vị thụ hưởng; 2 liên UNC còn lại dùng làm chứng từ báo Có cho đơn vị thụ hưởng và báo Nợ cho đơn vị trả tiền.

b. Trường hợp người thụ hưởng mở TK tại NH khác

Có ba trường hợp như sau : (1) Hai NH khác nhưng cùng hệ thống, (2) Hai NH khác có tham gia thanh toán bù trừ; (3) Hai NH khác không tham gia thanh toán bù trừ nhưng thanh toán qua NHNN

- Tài khoản sử dụng bao gồm các tài khoản sau:
- + TK 1113 “ Tiền gửi thanh toán tại NHNN”
- + TK 4211 “ Tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng”
- + TK 5012 “ Thanh toán bù trừ giữa NH thành viên”
- + TK 5111 “ Chuyển tiền đi năm nay”
- + TK 5211 “ Liên hàng đi năm nay”

- + TK 5112 “Chuyển tiền đến năm nay”
- + TK 5212 “ Liền hàng đến năm nay”
- + TK 454 “ Chuyển tiền phải trả”
- Chứng từ sử dụng: UNC gồm 4 liên, giấy báo Có hoặc lệnh chuyển Có, Bảng kê 12 gồm 2 liên, bảng kê chứng từ thanh toán qua NSNN (bảng kê 11) gồm 2 liên.
- Phương pháp hạch toán:
 - Tại NH bên trả tiền: Kiểm tra 4 liên khi nhận được từ đơn vị trả tiền
 - + Xử lý chứng từ: 2 liên UNC dùng để ghi Nợ và báo Nợ cho đơn vị trả tiền; 2 liên UNC kèm với các chứng từ lập thêm để thanh toán với NH bên bán; lập thêm các chứng từ tương ứng cho các trường hợp cụ thể.

- (1) Lập giấy báo Có hoặc lệnh chuyển Có, 1 liên này dùng làm chứng từ ghi Có TK 5111, 5211; liên còn lại kèm với 2 liên UNC gửi cho NH cùng hệ thống.
- (2) Lập bảng kê 12, 1 liên này dùng để ghi Có TK 5012, liên còn lại kèm với 2 liên UNC mang đi thanh toán bù trừ.
- (3) Lập bảng kê chứng từ thanh toán qua NHNN (bảng kê 11), liên này dùng để ghi Có TK 1113, liên còn lại kèm với 2 liên UNC gửi NHNN nơi NH trả tiền mở TK tiền gửi.

+ Hạch toán :

Nợ TK 4211 (Đơn vị trả tiền)

Có TK 5111, 5211 (1)

Có TK 5012 (2)

Có TK 1113 (3)

• Tại NH bên thụ hưởng :

+ Xử lý chứng từ: Khi nhận các chứng từ của NHNN chuyển hoặc của NH trả tiền. Tiến hành kiểm tra các chứng từ; sau khi kiểm tra các chứng từ được xử lý: 2 liên UNC 1 liên dùng để ghi Có TK 4211, 1 liên báo Có đơn vị thụ hưởng.

- (1) Giấy báo Có (Lệnh chuyển Có) dùng để ghi Nợ TK 5112, 5212
- (2) Bảng kê 12 dùng để ghi Nợ TK 5012
- (3) Bảng kê 11 dùng để ghi Nợ TK 1113

+ Hạch toán:

Nợ TK 5112, 5212 (1)

Nợ TK 5012 (2)

Nợ TK 1113 (3)

Có TK 4211 (Đơn vị thụ hưởng)

Có TK 454 (Người thụ hưởng không mở TK tại NH)

Trường hợp chuyển tiền đi khác NH thì KH phải trả phí chuyển tiền. Các khoản thu này ghi vào thu dịch vụ thanh toán và phải tách riêng ra phần thuế GTGT

Nợ TK 4211, 1011 ...

Có TK 711 (Thu dịch vụ thanh toán, nếu có)

Có TK 4531 (Thuế GTGT, nếu có)

1.3.3. Kế toán thanh toán bằng thẻ ngân hàng

a. Kế toán phát hành thẻ

- Tài khoản sử dụng:

+ TK 1011 “ Tiền gửi không kỳ hạn của KH”

+ TK 4211 “ Tiền mặt tại đơn vị”

+ TK 4273 “ Tiền gửi để đảm bảo thanh toán thẻ”

+ TK 711 “ Thu từ dịch vụ thanh toán”

+ TK 4531 “ Thuế GTGT phải nộp”

- Chứng từ sử dụng: Giấy đề nghị phát hành thẻ, UNC (trường hợp sử dụng thẻ ký quỹ thanh toán để trích TK tiền gửi để ký quỹ đảm bảo thanh toán).

- Phương pháp hạch toán:

+ Khi có nhu cầu sử dụng thẻ NH, KH lập và gửi cho NH giấy đề nghị phát hành thẻ NH (theo mẫu do NH phát hành thẻ quy định).

+ Nếu sử dụng thẻ ký quỹ thanh toán, KH nộp thêm giấy UNC để trích TK tiền gửi hoặc nộp tiền mặt để ký quỹ đảm bảo thanh toán.

+ Tiếp nhận chứng từ của KH, kiểm tra đủ điều kiện thì hạch toán, lập thẻ NH và giao cho KH cùng mật mã sử dụng. Và lập hồ sơ theo dõi thẻ đã phát hành.

Nợ TK 4211

Nợ TK 1011

Có TK 4273

Có TK 711

Có TK 4531

b. Kế toán khi thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ cho các đơn vị chấp nhận thẻ NH

- Tài khoản sử dụng:

+ TK 3612 “ Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ”

+ TK 4211 “ Tiền gửi không kỳ hạn của KH” (cơ sở chấp nhận thanh toán thẻ NH)

+ TK 4273 “ Tiền gửi để đảm bảo thanh toán thẻ”

- Chứng từ sử dụng: Biên lai thanh toán thành 3 liên, bảng kê biên lai thanh toán .

- Phương pháp hạch toán:

+ Khi trả tiền, chủ thẻ xuất trình CMND và thẻ NH cho cơ sở tiếp nhận để kiểm tra. Nếu đủ điều kiện thanh toán máy đọc thẻ sẽ in ra biên lai thanh toán, có ghi số tiền KH dùng để mua hàng hóa dịch vụ, biên lai thanh toán được lập thành 3 liên, phải có chữ ký của chủ thẻ.

➤ Một liên biên lai thanh toán gửi cho chủ thẻ cùng với thẻ thanh toán.

➤ Một liên biên lai thanh toán lưu lại cơ sở chấp nhận

➤ Một liên biên lai thanh toán kèm với bản kê các biên lai thanh toán (do cơ sở chấp nhận lập vào cuối ngày hoặc cuối kỳ) gửi cho đại lý thanh toán thẻ.

+ NH đại lý thanh toán khi nhận được các chứng từ trên, sau kiểm tra đủ điều kiện thì định khoản:

Nợ TK 4273

Nợ TK 3612

Có 4211

+ Tại NH phát hành thẻ: Nếu thanh toán trực tiếp cho cơ sở chấp nhận thanh toán như trên. Trường hợp thanh toán cho NH đại lý, được thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên qua thủ tục thanh toán vốn giữa các NH.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI – CHI NHÁNH THỪA THIÊN HUẾ

2.1. Tổng quan về Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội (TMCP Quân Đội)

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

❖ Sơ lược về ngân hàng TMCP Quân đội

Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) chính thức được thành lập và đi vào hoạt động ngày 04/11/1994. Trụ sở chính của Ngân hàng tọa lạc tại số 3 Đường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Trong hơn 20 năm qua, Ngân hàng TMCP Quân Đội luôn vững vàng đứng trong top 5 Ngân hàng có mức lợi nhuận trước thuế cao nhất trong hệ thống ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Đây là thành công của ngân hàng mà hầu hết các khách hàng là cá nhân cũng như doanh nghiệp lớn nhỏ đều ghi nhận .

Ngân hàng TMCP Quân Đội đã nhìn thấy trong quá trình hội nhập và phát triển tất yếu có sự tham gia mà bành trướng của các Ngân hàng thương mại nước ngoài trên thị trường Việt Nam, thị trường tài chính bán lẻ trong nước sẽ có sự sắp xếp lại. Vì thế, Ngân hàng ngoài Chi nhánh cấp 1, cấp 2 ở các thành phố lớn, các tỉnh thành đã mở rộng quy mô hoạt động và thành lập thêm các Chi nhánh mới trên địa bàn thành phố lớn. Toàn bộ mảng nghiệp vụ được quản lý tự động, các giao dịch của Ngân hàng như chuyên tiền, thanh toán qua thẻ và rút tiền tự động đều được xử lý tập trung qua mạng trực tuyến một cách nhanh chóng, thuận tiện, chính xác, an toàn và bảo mật cao.

Cổ đông chính của Ngân hàng bao gồm:

- Tổng công ty viễn thông Quân Đội (Viettel)
- Công ty vật tư công nghiệp Bộ Quốc Phòng (GAET)
- Tổng công ty bay dịch vụ Việt Nam
- Tổng công ty xây dựng Trường Sơn
- Công ty Tân Cảng

Các công ty có trên 50% vốn cổ phần do MB nắm giữ bao gồm:

- Công ty cổ phần chứng khoán Thăng Long (TSC)
- Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Hà Nội (HFM)
- Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản (AMC)
- Công ty cổ phần địa ốc MB (MB Land)

❖ Quá trình hình thành và phát triển của Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Huế.

Ngày 12/02/2007 Ngân hàng TMCP Quân Đội đã chính thức khai trương Chi nhánh thứ 39 trên toàn hệ thống và là Chi nhánh đầu tiên tại Thừa thiên Huế tại số 03 Hùng Vương.

Nhận thấy Huế là một tỉnh đóng vai trò là cầu nối giữa hai miền Nam Bắc, được xác định là một trong bốn tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2000-2005 đạt gần 9,5%/ năm, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, trong đó công nghiệp và du lịch – dịch vụ chiếm gần 78% trong GDP, nhu cầu về sản phẩm dịch vụ Ngân hàng trong quá trình phát triển là rất lớn. Vì vậy, Ngân hàng quyết định thành lập chi nhánh tại Thành phố Huế vào ngày 12 tháng 02 năm 2007.

Việc ra đời Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội tại Huế nhằm tăng cường mạng lưới hoạt động, tăng cường sức cạnh tranh và khẳng định vị thế của Ngân hàng trong nước và khu vực. Đồng thời, giúp cho các cá nhân, doanh nghiệp có nhu cầu tiếp cận và sử dụng các Dịch vụ của ngân hàng thuận tiện hơn.

Mạng lưới Chi nhánh : Trực thuộc Ngân hàng TMCP Quân đội – chi nhánh Huế có 4 điểm giao dịch, 6 máy ATM được đặt tại 5 điểm.

- Trụ sở MB Chi nhánh Huế : Số 11 Lý Thường Kiệt
- Phòng Giao dịch MB Bắc Trường Tiền: Số 67 Đnh Tiên Hoàng
- Phòng Giao dịch MB Nam Trường Tiền: Số 03 Hùng Vương
- Phòng Giao dịch MB Nam Võ Dạ: số 109 Phạm Văn Đồng.

2.1.2. Những hoạt động chủ yếu của chi nhánh

- Hoạt động huy động vốn
- Nhận tiền gửi (nhận ký ủy thác)

- Phát hành giấy tờ có giá để huy động vốn
- Vay các tổ chức tín dụng khác
- Vay ngân hàng Nhà nước.
- Hoạt động tín dụng
- Cho vay trực tiếp
- Cho vay gián tiếp
- Hình thức cho vay khác
- Bảo lãnh ngân hàng
- Cho thuê tài chính
- Hoạt động thanh toán
- Thu phát tiền mặt, vận chuyển và bảo quản
- Thực hiện dịch vụ thanh toán và chuyển tiền quốc tế
- Bảo quản hiện vật quý và giấy tờ có giá
- Nghiệp vụ ủy thác và đại lý
- Cho thuê tủ, két sắt và cầm đồ
- Kinh doanh dịch vụ bảo hiểm
- Kinh doanh ngoại hối vàng
- Tư vấn tài chính tiền tệ
- Hoạt động trên thị trường ngoại hối

Trên thị trường ngoại hối thì ngân hàng đóng vai trò với tư cách là nhà phát hành, người mua bán, người bảo lãnh phát hàng, người môi giới hoặc người đầu tư ...

- Hoạt động khác

➤ Đầu tư trực tiếp: Bao gồm góp vốn mua cổ phần của các tổ chức kinh tế trong nước, góp vốn mua cổ phần của các tổ chức tín dụng trong nước, góp vốn mua cổ phần hoặc liên doanh với các nhà đầu tư nước ngoài, thành lập công ty trực thuộc – hạch toán độc lập.

➤ Đầu tư gián tiếp: Bao gồm đầu tư vào trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, NHTW hoặc đầu tư vào trái phiếu của các công ty cổ phần.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban

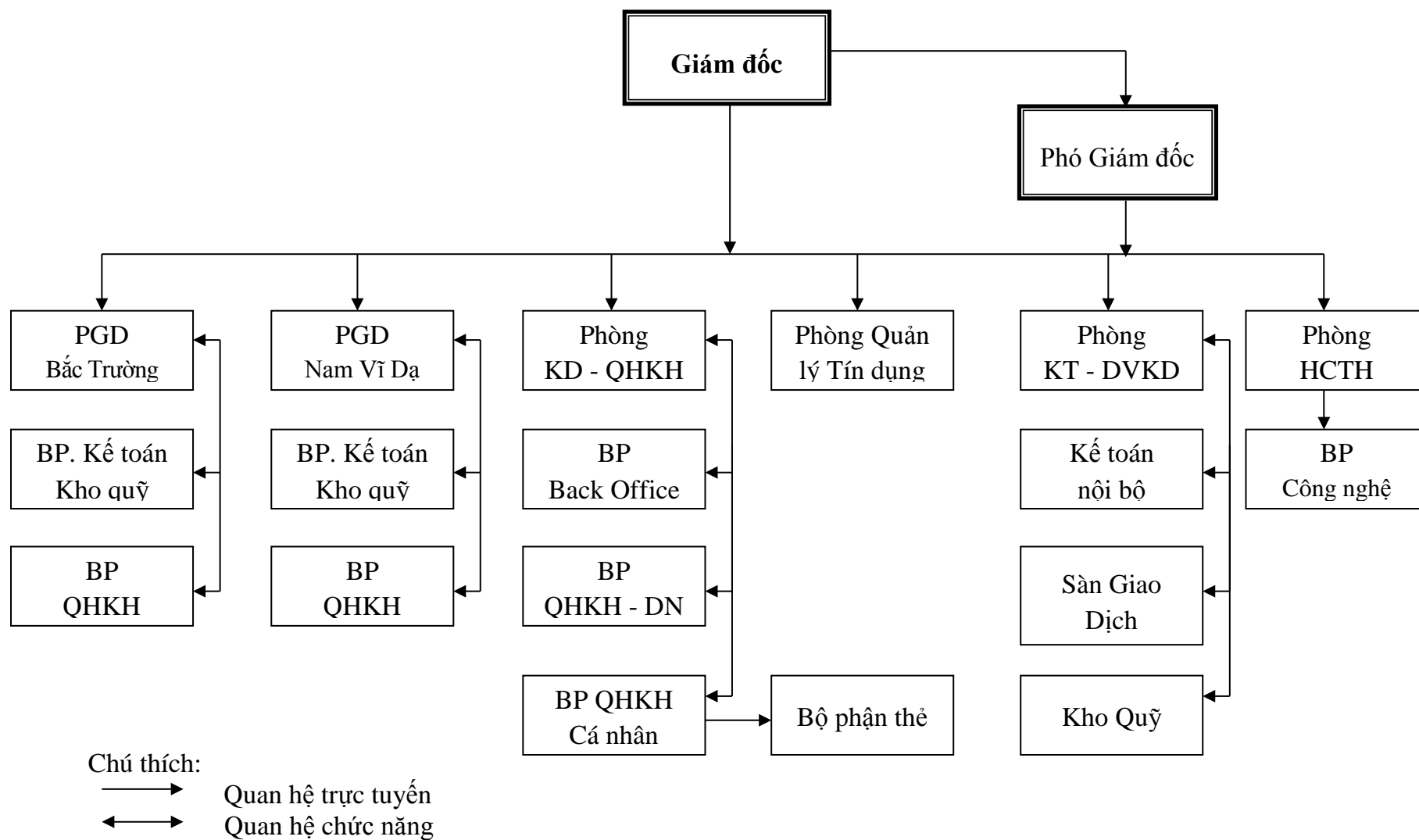
2.1.3.1. Bộ máy quản lý

Tổ chức là chức năng quan trọng đứng thứ hai trong quá trình quản lý. Trong thực tế, khi chiến lược đã được thiết lập thì phải tạo được khuôn khổ ổn định về mặt cơ cấu và nhân sự cho chiến lược thực hiện chiến lược, đó chính là phần việc của công tác tổ chức. Đây không phải là vấn đề dễ mà cũng không phải quá khó đối với các nhà quản lý. Bởi vì công việc cơ bản, mang tính chất tương đối ổn định cao. Không dễ vì phải nắm bắt được các thành phần nhân sự và phải biết phối hợp những chức năng chuyên môn khác nhau trong tổ chức.

Ngân hàng sử dụng cơ cấu tổ chức trực tuyến, mỗi người cấp dưới nhận sự điều hành và chịu trách nhiệm trước một người lãnh đạo trực tiếp của mình.

Mỗi cấp dưới chỉ có 1 thủ trưởng trực tiếp chỉ đạo.

Cơ cấu tổ chức theo chiều dọc.



Sơ đồ 2.1 - Tổ chức bộ máy quản lý của Chi nhánh Ngân hàng Quân đội TT. Huế

❖ Ưu điểm:

- Tuân thủ nguyên tắc một thủ trưởng
- Tạo sự tập trung và thống nhất cao
- Chế độ trách nhiệm rõ ràng.

❖ Nhược điểm:

- Không chuyên môn hóa
- Đòi hỏi nhà quản lý phải có trình độ chuyên môn toàn diện để quản lý tốt
- Hạn chế sử dụng các chuyên gia có trình độ
- Dễ dàng phát huy cách quản lý gia trưởng.

2.1.3.2. Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban

- ***Giám đốc***

Có trách nhiệm điều hành, lãnh đạo tổ chức thực hiện mọi hoạt động của ngân hàng. Đồng thời, chịu trách nhiệm với ngân hàng Trung Ương Nhà nước và cơ quan pháp luật.

- ***Phó Giám đốc***

Trực tiếp quản lý, chỉ đạo các bộ phận phòng ban như quan hệ khách hàng, phòng kế toán, phòng thanh toán, phòng ngân quỹ...

- ***Phòng quan hệ khách hàng***

Trực tiếp tiếp xúc với khách hàng các quan hệ giao dịch, tìm kiếm khách hàng.

- ***Phòng dịch vụ khách hàng***

Thực hiện các nghiệp vụ kinh tế phát sinh khi giao dịch với khách hàng, có chức năng bảo quản, lưu giữ tài sản, thực hiện công tác hạch toán kế toán để đạt được hiệu quả kinh doanh.

- ***Phòng hành chính tổng hợp***

Thực hiện công tác văn thư, tiếp tân, quản lý con dấu, quản lý các mặt về nhân sự, các chính sách lương bổng, phụ cấp cho nhân viên. Theo dõi và phổ biến cho công nhân viên các công văn do hội sở ban hành.

- ***Phòng giao dịch***

Có nhiệm vụ huy động và cho vay, hạch toán thu chi tiền mặt, kiểm soát, chấp hành đầy đủ các thông báo thống kê. Thực thi theo yêu cầu của Ngân hàng ho cấp trên

quản lý. Tư vấn cho khách hàng về những sản phẩm dịch vụ tiền gửi thanh toán, giải đáp thắc mắc cho khách hàng về sản phẩm dịch vụ của Chi nhánh.

- **Kho quỹ**

Thực hiện nhiệm vụ thu chi tiền mặt, quản lý tài sản, cầm cố.

- **Phòng Back Office (BO)**

Thực hiện chức năng thu lãi của khách hàng khi đến ngày đáo hạn.

- **Bộ phận thẻ**

Chịu trách nhiệm trong việc phát hành thẻ.

2.1.4. Tình hình lao động của chi nhánh

Đối với tất cả các ngân hàng nói chung và Ngân hàng Quân đội nói riêng thì vấn đề nhân sự luôn được các cấp lãnh đạo coi trọng đúng mức. Nhìn rõ tầm quan trọng của nhân sự, Ban lãnh đạo của Ngân hàng luôn quan tâm đến việc tuyển dụng lao động có trình độ, năng lực và có sự đầu tư cho công tác đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên.

Bảng 2.1: Bảng phân tích tình hình lao động của Chi nhánh 3 năm 2012 – 2014

(Đơn vị tính: người)

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		So sánh 2013/2012		So sánh 2014/2013	
	SL	%	SL	%	SL	%	+/-	%	+/-	%
Tổng số lao động	65	100	63	100	62	100	-2	-3.01	-1	-1.59
Theo giới tính										
Nam	32	49.23	30	47.62	28	45.16	-2	-3.01	-2	-3.18
Nữ	33	50.77	33	52.32	34	54.84	0	0	1	1.59
Theo trình độ										
Đại học và trên đại học	64	98.46	57	90.48	56	90.32	-7	-10.94	-1	-1.75
Cao đẳng	1	1.54	3	4.76	3	4.84	2	200	0	0
Phổ thông	0	0	3	4.76	3	4.84	3	0	0	0

(Nguồn: Phòng hành chính tổng hợp MB Huế)

Nhìn chung số lượng nhân viên của Chi nhánh qua ba năm có xu hướng giảm nhẹ. Tuy nhiên vẫn đang chiếm số lượng cao so với những năm của giai đoạn trước.

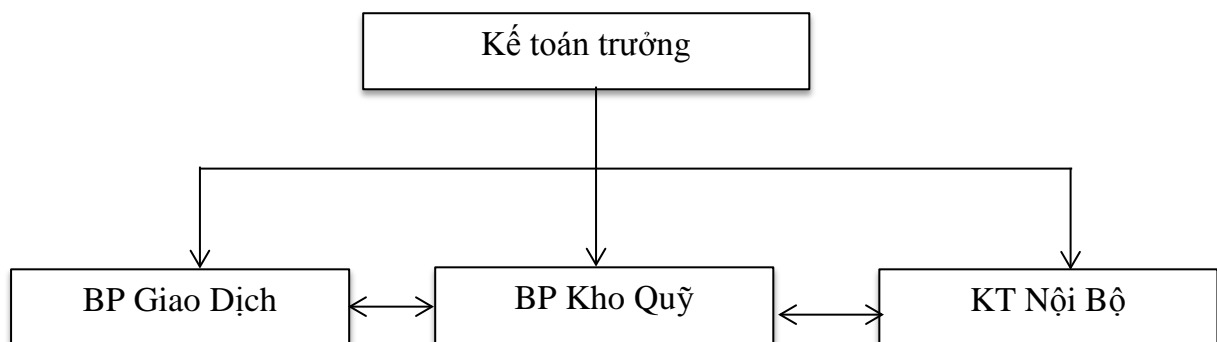
Xét về cơ cấu lao động : Do đặc thù công việc của ngành kinh doanh dịch vụ khách hàng đòi hỏi sự nhẹ nhàng, khéo léo, vui vẻ. Vì vậy, lao động nữ trong ngân hàng luôn chiếm tỷ trọng cao và đang có xu hướng tăng.

Xét về trình độ lao động: Có thể thấy rằng lao động có trình độ đại học và trên đại học trong ngân hàng chiếm tỷ trọng cao nhất trong ngân hàng. Tuy nhiên, trong giai đoạn này thì tỷ trọng này đã có xu hướng giảm với tốc độ nhanh, đặc biệt là năm 2013. Ngân hàng có đặc điểm không tuyển dụng nhân viên có trình độ trung cấp.

Qua đây cho thấy, hiện nay đối với ngành ngân hàng cần phải am hiểu chuyên môn và nghiệp vụ ngân hàng hiện đại. Điều này đòi hỏi nhân viên phải trẻ trung năng động, tháo vát và có trình độ chuyên môn cao.

2.2. Tổ chức công tác kế toán tại Chi nhánh

2.2.1. Sơ đồ bộ máy kế toán của Ngân hàng



Sơ đồ 2.2 – Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Chi nhánh.

Chú thích: —————> Quan hệ trực tuyến

←—————> Quan hệ chức năng

Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán

- **Kế toán trưởng**

Có nhiệm vụ tham mưu các hoạt động tài chính cho Giám đốc, trực tiếp điều hành, lãnh đạo các nhân viên thuộc bộ phận kế toán tài chính. Kiểm tra, kiểm soát và hướng dẫn công tác thu thập, xử lý chứng từ và hạch toán kế toán tại đơn vị. Cuối kỳ, kiểm tra quyết toán do kế toán tổng hợp lập, báo cáo cho lãnh đạo và cơ quan cấp trên.

- **Kế toán tổng hợp**

Có nhiệm vụ thu thập số liệu của tất cả kế toán viên và tổng hợp số liệu để lập báo cáo tài chính. Thực hiện tập hợp chi phí, theo dõi, xác định thu nhập, hạch toán lãi lỗ và phân tích đánh giá hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng.

- **Kế toán viên**

Chịu sự điều hành của kế toán trưởng và kế toán tổng hợp, có kỹ năng thành thạo và tính toán linh hoạt các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ. Đảm nhận về kế toán chi tiết các loại vốn, loại tiền tệ, loại vật tư, tài sản, các loại đầu tư và các loại dịch vụ Ngân hàng khác nhau để phục vụ mục đích cung cấp thông tin cho quản lý.

- **Thủ quỹ**

Thực thi việc thu chi tại Ngân hàng, bảo quản tiền mặt, ghi chép sổ quỹ hàng ngày. Cuối tháng, đối chiếu với số dư tiền mặt với kế toán viên.

2.2.2. Tổ chức vận dụng chế độ chứng từ

Tất cả các chứng từ thanh toán của chủ thẻ đều được lập trên mẫu in sẵn của Ngân hàng và nhượng bán. Các chứng từ đó phải được lập đầy đủ các liên, viết hoặc in rõ ràng, không được tẩy xóa và nộp vào Ngân hàng theo đúng quy định. Ngân hàng được từ chối thanh toán khi chủ thẻ vi phạm những nguyên tắc thanh toán hiện hành.

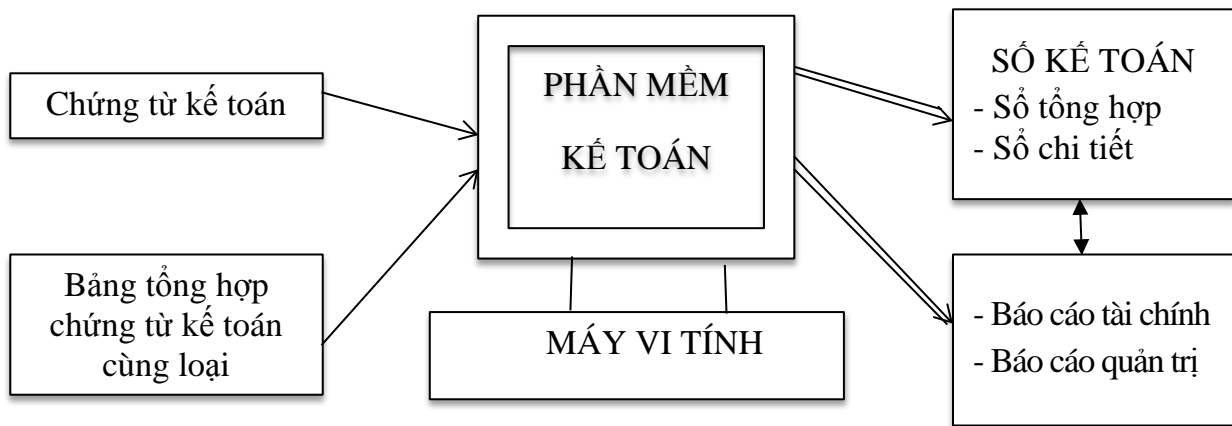
Hệ thống tài khoản kế toán của Ngân hàng tuân thủ theo các Quyết định 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/04/2004, 1146/2004/QĐ-NHNN ngày 10/09/2004, 807/2005/QĐ-NHNN ngày 01/06/2005 của Thống đốc NHNN Việt Nam.

2.2.3. Tổ chức vận dụng hình thức sổ kế toán

Ngân hàng TMCP Quân Đội sử dụng phần mềm kế toán T24 và áp dụng theo hình thức “Nhật ký chứng từ”.

T24 là một phần mềm có hệ thống hiện đại, linh hoạt và tích hợp, có thể đáp ứng các yêu cầu của ngân hàng ở mức Chi nhánh cũng như mức trụ sở chính. Đáp ứng các yêu cầu trực tuyến và môi trường xử lý tức thời. Mức độ tích hợp cao trong một hệ thống có thiết kế nhấn mạnh vào xử lý thông suốt và tính linh hoạt của các thông số sẽ giúp cho hệ thống hoạt động chính xác, theo xác thông lệ và các yêu cầu nghiệp vụ của NH.

Hiện nay, ở Việt Nam đã có 4 NH đang sử dụng phần mềm T24 của Temenos là Sacombank, Techcombank, SeABank và MB.



Sơ đồ 2.3 - Sơ đồ trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán máy

- Chú thích: \longrightarrow Nhập số liệu hàng ngày
 \Longrightarrow In sổ, báo cáo cuối ngày, cuối tháng...
 \longleftrightarrow Đối chiếu, kiểm tra

Trình tự ghi sổ kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính được phản ánh ở chứng từ gốc đều được phân loại, hệ thống hóa để ghi vào bên Có của cá tài khoản trên sổ Nhật ký chứng từ. Cuối kỳ, tổng hợp số liệu từ nhật ký chứng từ để ghi vào Sổ Cái các tài khoản.

Kết hợp ghi sổ theo thời gian với ghi sổ theo hệ thống để ghi vào một loại sổ kế toán là sổ nhật ký chứng từ, kết hợp kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết đồng thời trên cùng một mẫu sổ và trong cùng một thời gian.

2.2.4. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản

Ngân hàng sử dụng hệ thống tài khoản kế toán bao gồm các tài khoản trong bảng cân đối kế toán (gồm các loại từ 1 đến 8) và các tài khoản ngoại bảng kế toán (tài khoản loại 9).

- Loại 1: Vốn khả dụng và các khoản đầu tư
- Loại 2: Hoạt động tín dụng
- Loại 3: TSCĐ và TS CÓ khác
- Loại 4: Các khoản phải trả
- Loại 5: Hoạt động thanh toán
- Loại 6: Nguồn vốn chủ sở hữu

- Loại 7: Thu nhập
- Loại 8: Chi phí
- Loại 9: Các tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán

2.2.5. Hệ thống báo cáo kế toán

Hệ thống báo cáo tài chính của NH tuân thủ theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/04/2007 của Thống đốc NHNN.

Ngân hàng lập Báo cáo tài chính bắt buộc theo định kỳ là một niên độ kế toán, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm đó bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

2.2.6. Các chính sách kế toán khác được áp dụng

Niên độ kế toán tính theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 của năm đó.

Đơn vị ghi sổ: Ngoài đơn vị tiền tệ là Việt Nam Đồng thì Ngân hàng Quân Đội còn thực hiện ghi sổ hầu hết tất cả các loại tiền thông dụng trên thế giới.

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Hiện nay Ngân hàng đang áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng

2.3. Tình hình và kết quả kinh doanh của Ngân hàng giai đoạn 2012-2014

2.3.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn

Căn cứ vào bảng 2.3.1. Bảng phân tích tình hình tài sản và nguồn vốn của NH giai đoạn 2012 - 2014 cho thấy Tài sản và nguồn vốn của NH có xu hướng tăng qua ba năm, tốc độ tăng ngày càng nhanh. Năm 2013, tăng lên khoảng 9,6 tỷ tương ứng với tốc độ tăng là 1,15%. Năm 2014, tăng lên rất nhanh với tốc độ tăng 29,75% tương ứng với 250 tỷ đồng. Sờ dĩ có sự thay đổi như vậy là các nhân tố sau:

❖ Xét về tài sản

➤ Cho vay KH

Khoản mục này chiếm tỷ trọng cao nhất trong các thành phần ảnh hưởng đến cơ cấu tài sản của NH. Tốc độ tăng của Cho vay KH tương ứng với tốc độ tăng của Tài sản. Khoản mục này luôn luôn chiếm tỷ trọng trên 50% so với tổng thể, đặc biệt năm 2014, chiếm đến khoảng 62%. Tốc độ tăng ngày càng nhanh, năm 2013 tăng lên khoảng hơn 24 tỷ đồng,

tương ứng với tốc độ tăng là 5,74% và đến năm 2014, tốc độ tăng rất nhanh, tăng lên khoảng 49%, tương ứng với khoảng hơn 221 tỷ đồng. Qua đây cho ta thấy rằng, mặc dù nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, chính sách tiền tệ bị thắt chặt nhưng nhờ vào sự cố gắng nỗ lực của cả cán bộ và ban lãnh đạo của NH trong hoạt động tín dụng nên hoạt động cho vay của NH vẫn ngày càng được hoạt động hiệu quả hơn.

➤ **Tiền gửi Ngân hàng Nhà nước**

Khoản mục này thay đổi tương đối thất thường, vào cuối năm 2012, khoản mục này chiếm tỷ trọng rất cao so với quy định. Đến năm 2013 thì lại giảm 1 cách đột ngột từ khoảng hơn 12 tỷ xuống còn 232 triệu đồng, tương ứng với tốc độ giảm hơn 98%. Với mức tiền gửi thấp như vậy sẽ ảnh hưởng không tốt đến NH. Tuy nhiên, đến năm 2014 thì đã được khắc phục với lượng trữ vừa phải, khoảng gần 5,5 tỷ đồng.

➤ **TSCĐ**

Hoạt động của NH luôn yêu cầu với những trang thiết bị hiện đại nhất. Vì vậy, TSCĐ vẫn có số tiền tương đối cao. Qua 3 năm thì TSCĐ của Nh không có nhiều thay đổi. Nguyên nhân là do quá trình hoạt động của NH đã đi vào ổn định.

➤ **TS Có khác**

Khoản mục này vẫn chiếm tỷ trọng tương đối cao so với cơ cấu của tài sản. Trong 3 năm trở lại đây thì lại đang có xu hướng giảm nhẹ.

❖ **Xét về nguồn vốn:**

➤ **Nguồn vốn huy động**

Chiếm hầu hết tỷ trọng trong cơ cấu nguồn vốn. và tỷ trọng này lại có xu hướng tăng lên trong 3 năm. Tính đến năm 2014 thì tỷ trọng này chiếm gần 98%. Lý do là trong giai đoạn 2012 – 2014 Chi nhánh luôn đưa ra mức lãi suất hợp lý đi kèm với các chính sách khuyến mãi để làm tăng quy mô nguồn vốn. Nguồn vốn huy động của NH chủ yếu là có kỳ hạn và của dân cư.

➤ **Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục này chiếm tỷ trọng thấp và có xu hướng đang giảm. Nguồn vốn tăng chứng tỏ uy tín của NH ngày càng được nâng cao, KH ngày càng tin tưởng vào NH nên lượng tiền gửi vào cũng như vay vốn ngày càng tăng. Nguyên nhân cũng có thể một phần là do nhân viên của NH tích cực trong các cách phục vụ, chất lượng dịch vụ của NH ngày càng cao. Đáp ứng được nhu cầu của mọi người.

Bảng 2.2: Bảng phân tích tình hình tài sản và nguồn vốn của NH qua 3 năm 2012 – 2014.

(Đơn vị tính: triệu đồng)

CHỈ TIÊU	Năm						So sánh			
	2012		2013		2014		2013/2012		2014/2013	
	GT	%	GT	%	GT	%	+/-	%	+/-	%
TÀI SẢN	832.545	100	842.153	100	1.092.715	100	9.608	1.15	250.562	29.75
Cho vay khách hàng	427.562	51.36	452.118	53.69	673.303	61.62	24.556	5.74	221.185	48.92
Tiền gửi NHTW	12.973	1.56	232	0.03	5.467	0.50	-12.741	-98.21	5.235	2256.47
Tài sản cố định	6.572	0.79	6.769	0.80	7.187	0.66	197	3.00	418	6.18
Tài sản Có khác	385.437	46.30	383.034	45.48	406.758	37.22	-2.403	-0.62	23.724	6.19
NGUỒN VỐN	832.545	100.00	842.153	100	1.092.715	100	9.608	1.15	250.562	29.75
Nguồn vốn huy động	780.112	93.70	801.250	95.14	1.066.352	97.59	21.138	2.71	265.102	33.09
Nguồn vốn vay NHTW	28.217	3.39	11.520	1.37	12.332	1.13	-16.697	-59.17	812	7.05
Vốn và các quỹ	11.105	1.33	12.232	1.45	4.111	0.38	1.127	10.15	-8.121	-66.39
Tài sản Nợ khác	13.111	1.57	17.151	2.04	9.920	0.91	4.040	30.81	-7.231	-42.16

(Nguồn: phòng kế toán Chi nhánh MB Huế)

2.3.2. Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh

Từ bảng 2.4. Bảng phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của NH qua 3 năm 2012 – 2014 cho thấy cả thu nhập lẫn chi phí của NH tăng đều trong 3 năm. Tuy nhiên, tốc độ tăng của thu nhập vẫn cao hơn so với tốc độ tăng của chi phí. Đây trước hết cho ta thấy dấu hiệu tốt trong hoạt động kinh doanh của NH. Cụ thể:

❖ Xét về thu nhập

Qua 3 năm thì thu nhập của Chi nhánh tăng, năm 2013, tăng từ khoảng 112 tỷ lên mức khoảng 122 tỷ, tức tăng lên khoảng 9,5 tỷ đồng, tương ứng với tốc độ tăng là khoảng 8,5%. Năm 2014, thu nhập của chi nhánh lại tiếp tục tăng, nhưng tăng với tốc độ tương đối chậm so với năm 2013, tăng lên khoảng gần 3 tỷ đồng, tương ứng với tốc độ tăng khoảng 2,5 %.

➤ Thu lãi cho vay

Đây là khoản mục chiếm tỷ trọng tương đối cao trong cơ cấu thu nhập. Thu nhập của khoản mục này tăng qua 3 năm với tốc độ ngày càng nhanh. Năm 2013, tăng lên với tốc độ là 6,17% tương ứng với khoảng 2,8 tỷ đồng, năm 2014 tăng nhanh với tốc độ 11,6%, tăng lên khoảng 5,5 tỷ đồng. Điều này chứng tỏ NH đang hoạt động khá tốt, mức độ nhận biết của KH đối với thương hiệu của NH tại Huế ngày càng gia tăng và được KH tin tưởng lựa chọn trong hoạt động kinh doanh.

➤ Thu lãi điều hòa vốn

Khoản mục này chiếm tỷ trọng cao nhất trong 3 cơ cấu thu nhập của Chi nhánh. Đối với khoản thu này có sự biến động thất thường qua 3 năm: Năm 2013 tăng lên với tốc độ nhanh, đến năm 2014 lại có xu hướng giảm nhẹ, nhưng khoản thu này vẫn còn chiếm tỷ trọng cao. Kết quả này cho thấy hiệu quả trong hoạt động của nhân viên trong NH.

➤ Thu phí dịch vụ ngân hàng và thu khác

2 khoản mục này chiếm tỷ trọng thấp so với cơ cấu thu nhập. Dù vậy, 2 khoản mục này lại có dấu hiệu thay đổi tăng giảm thất thường.

❖ **Xét về chi phí**

Tổng thể qua 3 năm thì chi phí của Chi nhánh có xu hướng tăng lên nhưng với tốc độ chậm dần, tăng với tốc độ khoảng 8,54% và 2,06%. Trước hết cho thấy đây là dấu hiệu không tốt.

➤ **Chi trả tiền gửi**

Qua 3 năm, khoản chi phí trả lãi tiền gửi có dấu hiệu thay đổi thất thường. Năm 2013 tăng lên khoảng 3,7 tỷ đồng tương ứng với tốc độ tăng 5,7%, năm 2014, chi phí cho trả tiền lãi lại giảm xuống khoảng hơn 14 tỷ đồng, tương ứng với tốc độ giảm khoảng 20%. Chi phí trả tiền lãi giảm không thể khẳng định đây là dấu hiệu tốt, vì đây có thể là nguyên nhân của việc huy động vốn thấp. Điều này có thể thấy dấu hiệu không tốt trong quá trình huy động vốn.

➤ **Chi cho nhân viên tăng đều qua 3 năm.**

Điều này là hiển nhiên vì trong bảng phân tích tình hình lao động của Chi nhánh cho thấy số lượng nhân lực của công ty tăng lên. Chi phí này tăng lên sẽ không xấu nếu tăng chất lượng nhân viên chuyên nghiệp. Qua đây cũng cho thấy Chi nhánh đang ngày càng chú trọng vào việc chăm sóc KH.

❖ **Nhận xét chung**

Đối với Chi nhánh lãi, thu chủ yếu của Chi nhánh là hoạt động cho vay và hoạt động điều hòa vốn. Hai hoạt động này biến động tương đối ổn định qua 3 năm. Từ đây cho thấy rằng NH đang ngày hoạt động tốt hơn. Đội ngũ nhân viên này càng chuyên nghiệp hơn, tạo sự thoải mái và hài lòng cho KH khi giao dịch và sử dụng dịch vụ tại NH.

Đối với chi phí có tăng, nhưng đây được xem là dấu hiệu tốt bởi vì tất cả các chi phí tăng đều vì mục đích phục vụ KH tốt hơn, nhưng cần chú trọng với khoản mục chi phí trả lãi hơn.

Bảng 2.3: Bảng phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của Chi nhánh 3 năm 2012 – 2014

(Đơn vị tính: triệu đồng)

CHỈ TIÊU	Năm			So sánh			
	2012	2013	2014	2013/2012		2014/2013	
				+/-	%	+/-	%
THU NHẬP	112.536	122.108	125.102	9.572	8.51	2.994	2.45
Thu lãi cho vay	45.231	48.020	53.592	2.789	6.17	5.572	11.60
Thu lãi điều hòa vốn	58.976	65.204	63.688	6.228	10.56	-1.516	-2.33
Thu phí dịch vụ ngân hàng	6.952	7.500	4.913	548	7.88	-2.587	-34.49
Thu khác	1.377	1.384	2.909	7	0.51	1.525	110.19
CHI PHÍ	106.983	116.122	118.511	9.139	8.54	2.389	2.06
Chi trả tiền gửi	65.236	69.010	54.547	3.774	5.79	-14.463	-20.96
Chi cho nhân viên	8.965	9.009	10.822	44	0.49	1.813	20.12
Chi cho dự phòng	3.300	6.412	5.213	3.112	94.30	-1.199	-18.70
Chi khác	29.482	31.691	47.929	2.209	7.49	16.238	51.24
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	5.553	6.125	6.591	572	10.30	466	7.61

(Nguồn: phòng kế toán Chi nhánh MB Huế)

2.4. Thực trạng công tác kế toán thanh toán không sử dụng tiền mặt tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thừa Thiên Huế.

2.4.1. Kế toán nhiệm vụ bằng Séc

Hiện nay, cũng như một số ngân hàng khác trong cùng địa bàn Thừa Thiên Huế thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thừa Thiên Huế về hình thức thanh toán bằng Séc chỉ phát sinh hình thức Séc lĩnh tiền mặt do các tổ chức kinh tế - xã hội tại nơi người ký phát mở TK sử dụng để rút tiền mặt khi có nhu cầu. Các hình thức khác ít phát sinh nên quy trình thanh toán séc rất đơn giản.

a. Quy trình thực hiện

Khi có nhu cầu về ấn chỉ quan trọng (séc, sổ tiết kiệm, sổ tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu ...) phòng Giao dịch sẽ làm đề xuất để thủ quỹ của trụ sở chính xuất kho. KH nhận được các ấn chỉ thì thủ quỹ của Phòng giao dịch sẽ chuyển cho bộ phận giao dịch một lượng séc nhất định để nhượng bán cho khách hàng, số séc còn lại sẽ được giữ trong kho. Khi nhận xét từ bộ phận kho thì GDV sẽ ký nhận vào sổ theo dõi ấn chỉ để cuối ngày kiểm tra lại số lượng đã giao dịch.

b. Nghiệp vụ nhượng bán séc

➤ Tài khoản sử dụng

- + TK 1011 “ Tiền mặt tại đơn vị”
- + TK 421101 “ Tiền gửi thanh toán của KH tại chi nhánh
- + TK 719009 “ Thu tiền bán ấn chỉ”

➤ Chứng từ sử dụng: Giấy đề nghị cung ứng séc mẫu của chi nhánh, chứng từ giao dịch được in ra từ hệ thống.

➤ Quy trình hạch toán:

+ Chủ TK khi có nhu cầu sẽ đến NH nơi mở TK tiền gửi làm thủ tục mua séc theo Giấy đề nghị mua séc có mẫu sẵn của NH. Trường hợp không phải là chủ TK thì phải có giấy xác minh ủy quyền từ chủ TK, có chữ ký, đóng dấu của người có thẩm quyền phê duyệt. Giám đốc NH sẽ là người quyết định số lượng séc cung ứng cho KH mỗi lần, theo nhu cầu thanh toán séc, mức độ tín nhiệm của chủ TK trong giao dịch thanh toán. Theo quy định của NH là bán tối đa là 2 cuốn/ lần (20 tờ séc) cho 1 lần tương ứng.

+ GDV sẽ nhập các thông tin của KH vào chương trình quản lý séc để theo dõi, quản lý thanh toán và in thông tin lên giấy đề nghị bán séc, duy trì số seri séc trong hệ thống. GDV sẽ thông báo trừ vào TK của KH hoặc thu tiền mặt. Sau đó, sẽ hạch toán vào chương trình.

+ GDV sẽ in chứng từ giao dịch từ hệ thống gồm 2 liên với nội dung “nhượng bán cho KH” kèm giấy đề nghị NH nhượng bán cho KSV để ký duyệt. Sau khi KSV kiểm tra trên hệ thống và sẽ xét duyệt chuyển lại cho GDV để gửi liên 2 chứng từ giao dịch cho KH và GDV giữ lại liên 1 chứng từ giao dịch cùng Giấy đề nghị lưu vào tập chứng từ gốc.

+ GDV nhập liệu thông tin, tiến hành định khoản và hệ thống tự tạo bút toán sau:

Nợ TK 421101

Nợ TK 1011

Có TK 719009

Ví dụ: Ngày 11/04/2015 Bà Lê Ngọc Lệ Quyên, kế toán của Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế (có TK tiền gửi tại Chi nhánh) làm thủ tục đề nghị NH nhượng bán 1 cuốn séc và trả bằng tiền mặt theo lệnh của chủ tài khoản là Ông Nguyễn Bình Minh, giám đốc của Công ty. Quy trình và thủ tục sẽ được thực hiện như sau:

➤ KH là chủ TK sẽ đến NH làm thủ tục mua séc, điền đầy đủ thông tin vào “Giấy đề nghị mua séc” theo mẫu của NH.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CUNG ỨNG SÉC

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Quân đội

Tôi tên là : Nguyễn Bình Minh

Chủ tài khoản số: 5031100016002 tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Huế

Tên đơn vị : Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế

Địa chỉ: số 28 Lý Thường Kiệt và 75 Nguyễn Huệ, Phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế.

Đề nghị Ngân hàng bán cho chúng tôi 01 cuốn séc.

Người được ủy quyền nhận séc là ông (bà) Lê Ngọc Lệ Quyên

Số CMND: 191336380 Ngày cấp: 11/09/2007 do CA tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng quy định về thể lệ thanh toán bằng séc của Ngân hàng, chịu trách nhiệm về bảo quản và sử dụng séc.

Chủ tài khoản

Đã nhận đủ 01 cuốn séc

Ý kiến của Ngân hàng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Bình Minh

Ngày 11 tháng 04 năm 2015

Người nhận ký

Sau khi hoàn thành thủ tục nhượng bán séc thì GDV vào chương trình séc nghiệp vụ tiền gửi để nhập dữ liệu, tiến hành in các thông tin của KH lên tờ Séc rồi giao séc cho KH, hệ thống máy tính sẽ tự tạo các bút toán:

Nợ TK 101101 9750

Có TK 719009 9750

GDV in Chứng từ giao dịch chuyển KSV ký duyệt, sau đó GDV giữ lại 1 liên cùng với Giấy đề nghị lưu vào tập chứng từ gốc, liên 2 giao cho KH.

c. Nghiệp vụ KH cầm séc đến rút tiền mặt

➤ Tài khoản sử dụng:

+ TK 1011 “ Tiền gửi tiền mặt tại đơn vị”

+ TK 421101 “ Tiền gửi thanh toán của KH tại Chi nhánh

+ TK 713001 “ Thu từ dịch vụ ngân quỹ”

+ TK 453101 “ Thuế GTGT phải nộp”

➤ Chứng từ sử dụng: Séc, Bảng kê giao nhận các loại tiền, chứng từ giao dịch.

➤ Quy trình hạch toán:

+ Khi KH cầm séc lĩnh tiền mặt đến NH rút tiền mặt thì KH cần phải điền đầy đủ thông tin trên tờ séc và nộp cho GVD kèm theo CMND của người thụ hưởng.

+ Khi nhận được tờ séc có điền đầy đủ thông tin của KH thì GVD sẽ tiến hành kiểm tra các yếu tố hợp lệ ghi trên tờ séc so với những thông tin trước đó được đăng ký. Nếu tất cả thông tin hợp lý và đủ điều kiện thì GDV sẽ nhập vào chương trình máy tính và chuyển cho KSV để kiểm tra séc, phê duyệt và nhận lại.

+ Tiếp theo, GDV sẽ kiểm tra số dư TK sau khi đã trừ số tiền tối thiểu trong TK để xem có đủ thanh toán số tiền được ghi trên séc. Nếu số tiền còn lại trong TK nhỏ hơn số tiền chi séc thì GVD sẽ không thực hiện chi tiền mà trả lại cho KH kèm theo thông báo cho chủ TK cần phải nộp tiền vào TK thanh toán. Nếu tất cả đủ điều kiện thì GDV sẽ hạch toán giảm TK tiền gửi của chủ séc đồng thời ghi giảm tiền mặt tại đơn vị, ghi lại số séc.

+ GDV in chứng từ giao dịch gồm 2 liên từ chương trình máy tính. Chuyển séc và chứng từ giao dịch cho KSV phê duyệt. Sau khi kiểm tra các chứng từ so với dữ liệu máy tính thì KSV sẽ ký tên và đóng dấu, chuyển trả lại cho GDV. GDV nhận lại, chuyển cho KH liên 2 của chứng từ giao dịch cho KH, liên 1 được lưu vào tập chứng từ gốc.

+ Nghiệp vụ này sẽ được hạch toán theo bút toán sau:

Nợ TK 421101

Nợ TK 101101

Có TK 101101

Có TK 713001

Có TK 453101

Ví dụ: Ngày 11/04/2015, chủ TK Lê Thị Bích Phương dùng séc lĩnh tiền mặt đến trụ sở chính của NH Thương mại Cổ phần Quân đội để rút tiền mặt là 100 triệu đồng, đơn vị ký phát là Công ty TNHH TM – DV Minh Thành.

+ GDV sẽ yêu cầu chủ TK điền đầy đủ thông tin và xuất trình CMND theo đúng thủ tục mà NH đã quy định. Sau khi kiểm tra các yếu tố hợp lệ trên tờ séc thì GDV sẽ chuyển tiền cho KSV phê duyệt trên hệ thống. Sau khi kiểm tra gửi lại cho GDV, GDV gửi lại liên 2 cho KH, liên 1 lưu lại tập chứng từ gốc của NH.

+ GDV sẽ tiến hành chi tiền cho KH tại quầy giao dịch kèm theo bảng kê chi tiền mặt.

+ Nghiệp vụ trên sẽ được hạch toán theo bút toán sau:

Nợ TK 421101 100.000.000

 Có TK 101101 100.000.000

+ **Lưu ý:** Nếu KH rút sớm thì KH sẽ phải chịu 1 mức phí là 3%, khi đưa vào hệ thống thì hệ thống sẽ tự động hạch toán riêng phần thuế riêng (10%) vào TK 453101 và phần phí riêng vào TK 713001.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI			
SÉC			
AA 2724374361 Số tiền: 100.000.000 đồng. Trả cho: Lê Thị Bích Phương Số CMT: 241466496 Ngày cấp: 19/05/2003 Nơi cấp: Công an tỉnh Đắk Lắk Địa chỉ: 31/43 Hồ Đắc Di. P. An Cựu, TP. Huế. Tại: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Huế.	Yêu cầu trả cho: Lê Thị Bích Phương Số CMT: 241466496 ngày cấp: 19/05/2003 Nơi cấp: Công an Tỉnh Đắk Lắk Địa chỉ: 31/43 Hồ Đắc Di. P. An Cựu, TP. Huế. Số hiệu TK: 5031100016002 Tại: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội Số tiền (bằng chữ): Một trăm triệu đồng chẵn. Người phát hành: Công ty TNHH TM – DV Minh Thành Địa chỉ: 273 Hùng Vương – TP. Huế. Số hiệu TK: 5031100016151	AA 2724374361 <u>Phần dành cho NH ghi:</u> TK Nợ:..... TK Có:	Số tiền (bằng số): 100.000.000
Ngày 11 tháng 04 năm 2015 Người phát hành (Ký và đóng dấu)			TP. Huế, ngày 11 tháng 04 năm 2015
	BẢO CHI Ngày ... tháng ... năm (ký tên, đóng dấu)	Dấu	Kế toán trưởng Người phát hành

(Nguồn : phòng kế toán MB Huế)

Phần quy định cho Séc chuyển nhượng

Chuyển nhượng cho:.....Ngày tháng năm

.....

..... (ký tên, đóng dấu)

.....

.....

Chuyển nhượng cho:..... Ngày ... tháng năm

.....

..... (ký tên, đóng dấu)

.....

.....

Phần quy định dùng cho lĩnh tiền mặt

Họ tên người lĩnh séc: Lê Thị Bích Phương

Số CMT (hộ chiếu): 241466496 Ngày cấp: 19/05/2003

Nơi cấp: Công an Tỉnh Đắk Lắk

Ngày 11 tháng 04 năm 2015

Người nhận tiền

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

(Nguồn : phòng kế toán MB Huế)

2.4.2. Kế toán nghiệp vụ Ủy nhiệm chi

Đây là nghiệp vụ hiện đang được sử dụng nhiều nhất hiện nay vì hình thức này có phạm vi thanh toán rộng rãi và thuận tiện cho KH.

a. Quy trình thực hiện

+ Khi KH có nhu cầu sử dụng dịch vụ Ủy nhiệm chi, KH cầm phiếu UNC đã điền đầy đủ các thông tin theo mẫu đến quầy giao dịch nơi KH mở TK tiền gửi tại đó yêu cầu NH trích từ TK tiền gửi của mình trả cho người thụ hưởng có tên trong UNC đã lập đó.

+ Đối với GDV, GDV sẽ nhận nhận UNC từ phía KH, sau đó tiến hành kiểm tra thông tin tính hợp lệ của UNC. Nếu các thông tin của UNC đó hợp lệ và đủ điều kiện thì GDV sẽ ghi ngày, tháng, năm và ký vào phần quy định, nhập dữ liệu vào hệ thống. Nếu khi kiểm tra thông tin cũng như tính hợp lệ của chứng từ mà không hợp lệ hoặc không chính xác thì GDV trả lại UNC và thông báo lý do cho KH.

+ GDV in các chứng từ liên quan để chuyển qua cho KSV kiểm tra và phê duyệt vào UNC. Sau khi kiểm tra và phê duyệt, chứng từ sẽ được chuyển trả về lại cho GDV, GDV sẽ lưu liên 1 vào tập chứng từ gốc, liên 2 sẽ gửi lại cho KH.

b. Nghiệp vụ thanh toán UNC trong cùng hệ thống

Với nghiệp vụ thực hiện thanh toán cho cùng một hệ thống thì sẽ dễ dàng và đơn giản hơn so với các nghiệp vụ khác. Đầu tiên, các GDV sẽ tiến hành dựa vào UNC đã điền đầy đủ thông tin từ KH sau khi kiểm tra tính hợp lệ. GDV sẽ tiến hành in các chứng từ có liên quan đến giao dịch. Chuyển các chứng từ đó qua cho KSV kiểm tra trên hệ thống, ký tên và đóng dấu. GDV nhận lại các chứng từ từ KSV, liên 1 sẽ lưu vào tập chứng từ gốc, liên 2 sẽ giao cho KH.

➤ Tài khoản sử dụng:

+ TK 421101 “ Tiền gửi của KH”

+ TK 101101 “ Tiền mặt tại đơn vị”

➤ Chứng từ sử dụng: Ủy nhiệm chi, Bảng kê nhận tiền các loại và chứng từ được in ra từ hệ thống của NH.

Ví dụ: Ngày 20/04/2015, kế toán công ty Bia Huế mang UNC đã điền đầy đủ thông tin có chữ ký và đóng dấu hợp lệ đến quầy giao dịch trụ sở chính để chuyển khoản tiền cho công ty Ô tô Thống Nhất Huế. Số tiền là 500 triệu đồng.

Quy trình thực hiện như sau:

➤ Kế toán của Công ty Bia Huế là bà Nguyễn Lê Đan Thùy sẽ chuẩn bị sẵn mẫu UNC của NH đã điền đầy đủ thông tin chữ ký và đóng dấu của chủ tài khoản đến NH. Trong UNC sẽ có thông tin người thụ hưởng là Công ty Ô tô Thống Nhất Huế. Địa chỉ, số điện thoại, số Tài khoản và số tiền chuyển trả là 500.000.000 đồng.

Mẫu ủy nhiệm chi (gồm 4 liên): (xem phụ lục 1)

➤ GDV sau khi kiểm tra các thông tin trên UNC, nếu các thông tin hợp lệ và chính xác sẽ tiến hành ghi ngày tháng, năm và ký vào phần quy định. Sau đó sẽ nhập liệu vào hệ thống phần mềm máy tính.

➤ Sau khi tiến hành các thủ tục theo quy định thì nghiệp vụ sẽ được hạch toán như sau:

Nợ TK 421101 “Bia Huế”	500.000.000
Có TK 421101 “ Ô tô Thống Nhất Huế”	500.000.000

Bảng kê nhận tiền sẽ được lập thành 2 liên. Liên 1 sẽ được lưu tại NH vào tập hồ sơ gốc, liên 2 sẽ được giao cho KH.

➤ NH sẽ báo Có cho NH của người thụ hưởng (NH của công ty Ô tô Thống Nhất Huế)

c. Nghiệp vụ thanh toán UNC cho đơn vị ngoài hệ thống:

Đối với nghiệp vụ này thì tùy vào từng đơn vị NH của đơn vị thụ hưởng mà có hình thức thanh toán phù hợp. Có 2 hình thức sau:

+ Thanh toán bù trừ: Theo hình thức này thì NH của người thụ hưởng đó là các NH thương mại khác ngoài NH MB và NHNN. Hiện nay, NH MB thực hiện hình thức thanh toán bù trừ đối với hầu hết các NH đóng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế như Vietcombank, Viettinbank, BIDV, Agribank, ...

+ Thanh toán qua tiền gửi tại NHNN cùng địa bàn: Trường hợp này sẽ được thực hiện đối với NH của đơn vị thụ hưởng là NH nhỏ lẻ, mới khai trương. Lúc này NH MB sẽ tiến hành nhờ NHNN tỉnh Thừa Thiên Huế chuyển hộ.

➤ Tài khoản sử dụng:

+ TK 421101 “ Tiền gửi của KH tại Chi nhánh”

+ TK 454 “ Chuyển tiền phải trả”

+ TK 711 “ Phí dịch vụ thanh toán”

+ TK 4531 “ Thuế GTGT phải nộp”

+ TK 1113 “ Tiền gửi tại NHNN”

+ TK 5012 “ Thanh toán bù trừ giữa các NHTV”

➤ Chứng từ sử dụng: Ủy nhiệm chi, giấy báo nợ, bảng kê và các chứng từ khác có liên quan được in ra từ hệ thống máy tính của NH.

➤ Quy trình thực hiện như sau:
+ Các bước thực hiện nhận lệnh và kiểm tra UNC tương tự với quy trình ở cùng 1 chi nhánh.

➤ Nghiệp vụ sẽ được hạch toán như sau:

- Thanh toán bù trừ

(1) Nợ TK 421101

Có TK 454

Có TK 711

Có TK 4531

(2) Nợ TK 454

Có TK 5012

- Thanh toán thông qua TK tiền gửi tại NHNN

(1) Nợ TK 421101

Có TK 454

Có TK 711

Có TK 4531

(2) Nợ TK 454

Có TK 1113

Ví dụ : Ngày 24/03/2015, bà Hoàng Thị Trí Tuệ, chủ doanh nghiệp tư nhân Trí Tuệ, có TK tại NH MB Huế, đến yêu cầu NH trích từ TK của mình chuyển vào TK của công ty TNHH Duy Nhân số tiền là 100 triệu đồng.

(1) Trường hợp Công ty TNHH Duy Nhân có TK là NH BIDV Đắc Lắc

(2) Trường hợp Công ty TNHH Duy Nhân có TK là Bắc Á vừa mở Chi nhánh tại Thừa Thiên Huế.

Quy trình thực hiện như sau:

➤ Bà Hoàng Thị Trí Tuệ phải điền đầy đủ thông tin người thụ hưởng cũng như số tiền cần chuyển vào UNC có chữ ký và con dấu hợp lệ kèm theo 1 CMND của mình gửi cho GVD.

➤ GDV sẽ tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của UNC. Sau đó, GDV ghi ngày, tháng, năm giao dịch vào UNC đưa cho kiểm soát viên kiểm tra trên hệ thống. Khi

kiểm tra được tính hợp lệ của UNC thì KSV sẽ trả lại cho GDV nhập liệu lên hệ thống phần mềm máy tính. Hệ thống sẽ tự động hạch toán bút toán sau:

(1) Trường hợp Công ty TNHH Duy Nhân có TK là NH BIDV Đắc Lắc:

➤ Nợ TK 4211 “Trí Tuệ”	100.033.000
Có TK 454	100.000.000
Có TK 711	30.000
Có TK 4531	3.000
➤ Nợ TK 454	100.000.000
Có TK 5012	100.000.000

(2) Trường hợp Công ty TNHH Duy Nhân có TK là Bắc Á vừa mở Chi nhánh tại Thừa Thiên Huế.

➤ Nợ TK 4211 “Trí Tuệ”	100.000.000
Có TK 454	999.670.000
Có TK 711	30.000
Có TK 4531	3.000
➤ Nợ TK 454	999.670.000
Có TK 5012	999.670.000

d. Lưu ý:

➤ Mức phí giao dịch tiền nhưng rút trong ngày thì có mức phí tối thiểu là 3% số tiền nhận, nếu số phí nhỏ hơn 0,03% thì sẽ thu 10.000 đồng. Mức phí tối đa là 5% số tiền nhận, nếu số tiền phí lớn hơn 5% thì sẽ thu tối đa là 1.000.000 đồng.

➤ Nếu chuyển tiền cho người hưởng không có TK tại MB (Người hưởng nhận tiền bằng CMND) thì tùy thuộc vào nguồn đến, nếu nguồn đến là nguồn chuyển từ hệ thống MB thì NH sẽ miễn phí dịch vụ. Nếu khác hệ thống MB thì sẽ có mức phí tối thiểu là 0,03% số tiền chuyển, nhưng không được thấp hơn 10.000 đồng và không cao hơn 1.000.000 đồng.

➤ Các mức phí trên đã bao gồm thuế GTGT 10%.

➤ KH có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc bằng chuyển khoản, hệ thống sẽ tự động hạch toán riêng phần thuế GTGT ra khỏi phần phí.

2.4.3. Kế toán nghiệp vụ thanh toán bằng Thẻ Ngân hàng

Hiện nay, NH MB đã có rất nhiều hình thức thẻ dành cho nhiều đối tượng khác nhau như: MB Visa Platinum và đặc quyền, MB Visa Credit, MB Visa Debit, BankPlus MasterCard, Active Plus, MB Private/MB VIP, New Plus, Thẻ Sinh viên và Thẻ quân nhân. Tuy nhiên, loại thẻ được sử dụng phổ biến trong NH hiện nay đó là thẻ Active Plus. Vì vậy, trong đề tài nghiên cứu em xin chỉ đề cập đến hình thức thẻ Active Plus.

Thẻ Active Plus là thẻ ghi nợ nội địa do MB phát hành, cho phép chủ thẻ thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam, giúp KH chủ động quản lý tài khoản và tiền mặt mọi lúc mọi nơi.

Thẻ Active Plus là loại hình thẻ duy nhất ghi nợ kết hợp bảo hiểm có mặt tại Việt Nam. NH MB phát hành với ba thẻ hạng: chuẩn, hạng vàng và hạng đặc biệt. Hiện nay, thẻ có thể thực hiện giao dịch với hơn 9.300 máy ATM trên toàn Việt Nam. Thanh toán hàng hóa, dịch vụ tại các đơn vị chấp nhận thẻ. Thực hiện các giao dịch chuyển khoản/vấn tin số dư/sao kê giao dịch... trên máy ATM. Được sử dụng dịch vụ ngân hàng hiện đại: eMB, Mobile Banking,... Chuyển tiền liên ngân hàng trong hệ thống Smartlink thông qua số thẻ một cách an toàn, nhanh chóng, tiết kiệm. Thanh toán trực tuyến qua các website: Baokim.vn, pay.zing, vio.com.vn. Mua vé máy bay trực tuyến của hãng Vietnam Airline. Khách hàng sử dụng tiền trực tiếp từ tài khoản tiền gửi thanh toán, chủ động hơn trong chi tiêu. Dịch vụ khách hàng hoạt động liên tục 24/7.

Quy trình thực hiện của nghiệp vụ thanh toán bằng thẻ Ngân hàng đơn giản hơn so với hai hình thức ở trên.

a. Nghiệp vụ hạch toán thu phí phát hành thẻ

Khi phát hành thẻ cho KH, NH sẽ tiến hành thu phí phát hành thẻ, GDV nhập nhập liệu vào máy tính.

➤ Tài khoản sử dụng:

+ TK 4211 “ Tiền gửi thanh toán của KH tại Chi nhánh”

+ TK 1011 “ Tiền mặt tại quỹ”

+ TK 711 “ Thu phí phát hành thẻ”

+ TK 4531 “Thuế GTGT”

➤ Chứng từ sử dụng: Giấy đăng ký thông tin KH kèm hợp đồng mở tài khoản, giấy đề nghị kiêm phát hành và sử dụng thẻ Active plus, giấy đề nghị phát hành thẻ lại và một số chứng từ giao dịch khác.

Quy trình thực hiện như sau:

➤ **Đăng ký mở TK cá nhân**

Trường hợp KH đã giao dịch tại NH và đã được cung cấp mã số KH thì không cần đăng ký mã TK mà chuyển sang đăng ký phát hành thẻ ghi nợ luôn. Trường hợp KH lần đầu tiên giao dịch tại NH thì phải đăng ký thông tin KH mới vào “Giấy đăng ký TK cá nhân”. Đồng thời, cung cấp cho NH 1 bản photo CMND hoặc 1 bản photo hộ khẩu.

➤ **Đăng ký phát hành thẻ Active Plus**

Khi KH đã có TK tiền gửi không kỳ hạn, GDV tiến hành phát hành thẻ ghi nợ Active Plus cho KH, yêu cầu KH điền đầy đủ thông tin cá nhân vào “Giấy đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ ghi nợ”.

➤ **Phát hành thẻ Active Plus cho KH**

Sau khi nhận hồ sơ phát hành thẻ của KH, GDV tiến hành nhập liệu vào hệ thống T24 và in các chứng từ liên quan chuyển cho KSV ký duyệt. Sau khi ký duyệt thì KSV trả về cho GDV, GDV sẽ lập bảng kê phát hành thẻ gửi thẳng lên trung tâm thẻ.

➤ **Trả thẻ cho Khách hàng**

Sau khoảng 5 ngày, trung tâm thẻ tại Hội sở sẽ tiến hành trả thẻ và mã PIN của KH cho MB Huế. Bao gồm thẻ và mã PIN có 2 phong bì riêng biệt, có dấu niêm phong và chuyển bằng thư đảm bảo theo hai cách chuyển khác nhau. Sau khi nhận thẻ về, GDV sẽ giao thẻ và hướng dẫn sử dụng thẻ cho KH.

+ Nghiệp vụ trên sẽ được hạch toán theo bút toán sau:

(1) Nợ TK 1011

Có TK 711

Có TK 4531

(2) Nợ TK 1011

Có TK 4211

Ví dụ: Ngày 16/04/2015 KH Nguyễn Thị Thúy Vinh đến Trụ sở NH MB để làm thẻ ghi nợ Active Plus (Thúy Vinh là KH mới lần đầu giao dịch với NH). Vì vậy, KH Thúy Vinh phải điền đầy đủ thông tin vào Giấy đăng ký thông tin KH và đơn đăng ký phát hành thẻ. Sau khi hoàn tất các thủ tục thì KH phải nộp 1 khoản phí phát hành thẻ là 55.000 đồng. Ngoài ra, theo quy định của NH thì KH phải có số dư tối thiểu trong thẻ là 50.000 đồng.

Đầu tiên, khi KH Thúy Vinh đến NH thì GDV xác định đây là KH đầu tiên giao dịch với NH hay là đã có mã KH tại NH rồi. Đối với trường hợp này thì Kh Lệ Hằng là KH lần đầu tiên giao dịch tại NH. Vì vậy, KH Thúy Vinh cần phải xuất trình CMND và điền đầy đủ các thông tin cần thiết vào Mẫu đăng ký thông tin Khách hàng kèm hợp đồng mở tài khoản.

Giấy đăng ký thông tin Khách hàng kèm hợp đồng mở tài khoản :

(xem phụ lục 2)

Sau khi điền đầy đủ thông tin vào “Mẫu đăng ký thông tin Khách hàng kèm hợp đồng mở tài khoản” thì sẽ phải điền thông tin vào “ Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Active Plus” (đối với KH yêu cầu sử dụng thẻ Active Plus)

Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Active Plus:

Biểu mẫu 1b: giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ ACTIVE plus (không có bảo hiểm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM HỢP ĐỒNG PHÁT HÀNH
VÀ SỬ DỤNG THẺ ACTIVE PLUS**

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB)

Chi nhánh Huế

Địa chỉ: 11 Lý Thường Kiệt, TP. Huế - Số điện thoại: 054.6250.999

Đề nghị Ngân hàng TMCP Quân Đội. Chi nhánh Huế phát hành thẻ Active Plus cho tôi theo nội dung sau đây:

1. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Họ và tên (chữ in hoa): NGUYỄN THỊ THÚY VINH

Ngày sinh: 22/12/1990 Giới tính: Nữ

Số CMND/ Hộ chiếu: 191151665 Ngày cấp 13/06/2005

Nơi cấp: Công an Tỉnh Thừa Thiên Huế

Địa chỉ thường trú: 22 An Dương Vương, P. An Cựu, TP. Huế.

Địa chỉ liên lạc: 22 An Dương Vương, P. An Cựu, TP. Huế.

Điện thoại nhà riêng: 0543.227.611

Cơ quan: Trường Đại học Kinh tế Huế. Nghề nghiệp : Giáo viên

Địa chỉ cơ quan: 99 Hồ Đắc Di, P. An Cựu, TP. Huế.

Điện thoại cơ quan: 0543.691164

Điện thoại di động: 0983.821.375

Email:Fax:.....

2. YÊU CẦU PHÁT HÀNH THẺ

Đăng ký số tài khoản thanh toán (VND) phát hành thẻ tại MB: Chi nhánh Huế

Đăng ký tài khoản khác kết nối với thẻ (VND):

Đề nghị phát hành thẻ Active Plus

Hạng thẻ: Bạc (silver) X Vàng (gold) Đặc biệt (Diamond)

Hình thức thanh toán phí: Ghi nợ tài khoản Nộp tiền mặt X Miễn phí

Hình thức phát hành: Nhanh X Thường

3. ĐĂNG KÍ DỊCH VỤ

Mobile Barking Số điện thoại đăng kí sử dụng: 0983.821.375

Internet Barking Email đăng kí truy vấn: thuyvinhht@gmail.com.

Lưu ý đối với dịch vụ truy vấn thông tin:

- Thông tin cung cấp mang tính hỗ trợ khách hàng vì vậy. Khách hàng chấp thuận khi dịch vụ cung cấp thông tin bị gửi nhiều lần. Không gửi được do lỗi từ nhà cung cấp dịch vụ viễn thông.

Tôi xin xác nhận và cam kết:

- Những thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông tin đã cung cấp.
- Đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với các điều khoản phát hành và sử dụng thẻ ACTIVE plus.
- Cam kết thực hiện đúng các quy định sử dụng tài khoản cá nhân MB
- Cam kết rằng, Ngân hàng có quyền tạm dừng dịch vụ mà không cần phải thông báo trước khi khách hàng không tuân thủ các yêu cầu bảo mật hoặc có sự cố phát sinh từ nhà cung cấp dịch vụ viễn thông.
- Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc bảo quản mật khẩu sử dụng, tính an toàn, bảo mật thông tin và tuân thủ đúng quy định của dịch vụ MobileBanking, InternetBanking.

Ngày 11 tháng 04 năm 2015

Người đăng ký
(ký và ghi rõ họ tên)

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG

Tiếp nhận hồ sơ

Chi nhánh Huế

Ngày nhận hồ sơ: 11/04/2015

Cán bộ tiếp nhận: Nguyễn Hồng Nhung

Thời hạn trả lời thẻ/ trả thẻ: 18/05/2015

Cán bộ tiếp nhận

(ký và ghi rõ họ tên)

Phê duyệt

Đã đồng ý phát hành thẻ ACTIVE Plus và cung cấp dịch vụ theo như yêu cầu:

Mã khách hàng: 696488

Chủ tài khoản: Nguyễn Thị Thúy Vinh

Số tài khoản: 50315384682

Chuyên viên tư vấn

(ký và ghi rõ họ tên)

Kiểm soát

(ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký và ghi rõ họ tên)

Đối với Ngân hàng MB thì sẽ thu 55.000 đồng tiền phí phát hành thẻ. Khi thu phí thì GDV sẽ lập “Bảng kê nộp tiền các loại”. Liên 1 lưu vào chứng từ gốc, liên 2 sẽ được giao lại cho KH.

Nghiệp vụ trên được hạch toán như sau:

➤ Khi thu phí phát hành thẻ

Nợ TK 1011	55.000	
		Có TK 711
		50.000
		Có TK 4531
		5.000

Bảng kê nộp tiền các loại: (xem phụ lục 3)

Ngoài ra, KH sẽ phải nộp thêm 50.000 đồng để nộp vào TK theo quy định về số dư tối thiểu của NH.

➤ Ghi tiền vào TK của KH

Nợ TK 1011 50.000

Có TK 4211 “Thúy Vinh” 50.000

Bảng kê nộp tiền các loại: (xem phụ lục 4)

Sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục cần thiết thì KH sẽ có 1 phiếu hẹn đến nhận thẻ sau đó 5 ngày.

Khi trả thẻ cho KH thì sẽ bao gồm 1 thẻ như mẫu dưới đây kèm theo 2 phong bì. Một phong bì sẽ đựng thẻ Active Plus, phong bì còn lại sẽ là mật khẩu của thẻ, thông tin thẻ như số tài khoản và một số hướng dẫn kích hoạt và đổi mật khẩu thẻ. Tất cả phong bì đều được niêm phong và có đóng dấu.

Phần đổi mật khẩu thẻ lần đầu là quy định bắt buộc của NH khi sử dụng thẻ mới nhằm đảm bảo tính bảo mật của cho thẻ sử dụng.

Mẫu thẻ Active Plus:





b. Nghiệp vụ phát hành lại thẻ cho KH

Trường hợp KH mất thẻ hoặc có nhu cầu cấp lại thẻ. NH sẽ tiến hành các thủ tục cần thiết giống như lúc phát hành thẻ cho KH đã có mã KH tại NH. Đối với KH phải mang CMND đến NH để yêu cầu phát hành lại thẻ, lệ phí mỗi lần phát hành thẻ là 40.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT)

- Tài khoản sử dụng, Chứng từ sử dụng: Tương tự với nghiệp vụ phát hành thẻ.
- Phương pháp hạch toán: Tương tự với nghiệp vụ phát hành thẻ. Tuy nhiên, đối với trường hợp này thì KH sẽ không cần phải điền thông tin vào “Giấy đăng ký thông tin Khách hàng kiêm hợp đồng mở tài khoản” bởi vì khi phát hành lần đầu thì KH đã có mã KH tại NH.

Cách hạch toán và lập chứng từ tương tự với phát hành lần đầu.

c. Nghiệp vụ giao dịch rút tiền bằng thẻ tại máy ATM

Hiện nay, chủ thẻ Active Plus có thể giao dịch miễn phí với các máy ATM của hệ thống ngân hàng và gần 25 Ngân hàng trong cùng liên minh thẻ Smartlink.

Hạn mức số rút đối với thẻ Active Plus như sau:

HẠN MỨC	LOẠI THẺ		
	Hạng Chuẩn B	Hạng Vàng G	Hạng Đặc Biệt D
Số tiền rút tối đa 1 lần	2.000.000	2.000.000	2000.000
Số tiền rút tối thiểu 1 lần	50.000	50.000	50.000
Hạn mức rút tiền 1 ngày	10.000.000	15.000.000	20.000.000
Số lần rút tối đa 1 ngày	10	15	20
Hạn mức chi tiêu	Toàn bộ số dư	Toàn bộ số dư	Toàn bộ số dư

(Nguồn: <https://mbbank.com.vn/>)

Các máy giao dịch của NH MB hiện nay đang miễn phí dịch vụ trên máy ATM. Trong khi các ngân hàng khác đã thu phí thì NHMB lại đứng ra chịu tiền phí thay cho KH.

Ví dụ: Khi KH Thúy Vinh ở nghiệp vụ trên đến máy ATM rút tiền với số tiền 3000.000. Lúc này máy sẽ tự động hạch toán như sau:

Nợ TK 4211 “Thúy Vinh”	3000.000
Có TK 1014 “Tiền tại máy ATM”	3000.000

d. Nghiệp vụ chuyển tiền qua thẻ

Hiện nay, thẻ Active Plus của NH MB chỉ được thực hiện giao dịch chuyển khoản đối với các TK nội bộ mà chưa thực hiện chuyển khoản với các ngân hàng khác hệ thống.

Ví dụ : Ngày 01/04/2015 KH Lệ Hằng chuyển tiền cho KH Minh Thành có TK tại MB tại TP.HCM với số tiền là 5.000.000. Lúc đó hệ thống sẽ tự hạch toán như sau:

Nợ TK 4211 “ Lệ Hằng”	5.000.000
Có TK 4211 “Minh Thành”	5.000.000

e. Lưu ý đối với trường hợp thừa thiếu quỹ ATM:

Định kỳ, nhân viên của bộ phận kế toán và thủ quỹ sẽ đi kiểm tra và tiếp quỹ cho các máy ATM. Trong một số trường hợp có sự cố xảy ra như tiền của KH rút ra bị rơi vào hộp đựng tiền rỗng mà không ra ngoài thì ATM sẽ bị dư tiền, một số trường hợp khác thì bị lỗi làm cho số tiền rút ra nhiều hơn so với yêu cầu của quỹ thì ATM sẽ thiếu hụt.

➤ Trường hợp thiếu quỹ ATM thì nhân viên tiếp quỹ sẽ lập biên bản kiểm tra quỹ máy. Đồng thời, hạch toán như sau:

Nợ TK 3614 “Thiếu quỹ chờ xử lý”

Có TK 1014

➤ Khi biết được nguyên nhân thiếu hụt quỹ là do KH thì sẽ hạch toán:

Nợ TK 4211, 1011

Có TK 3614

➤ Nếu nguyên nhân là do nhân viên nội bộ thì hạch toán là :

Nợ TK 3615

Có TK 3614

➤ Trường hợp không xác định được nguyên nhân do khách quan thì hạch toán như sau:

Nợ TK 890 “Chi phí bất thường”

Có TK 3614

➤ Nếu quỹ đã được hạch toán vào chi phí, nhưng sau đó lại thu hồi được thì hạch toán là :

Nợ TK 4211, 1011

Có TK 790

➤ Trường hợp thừa quỹ ATM thì nhân viên tiếp quỹ sẽ lập biên bản kiểm tra quỹ máy và sẽ được hạch toán như sau:

Nợ TK 1014

Có TK 461 “Thừa quỹ chờ xử lý”

➤ Khi xác được nguyên nhân số tiền thừa là do lỗi của máy thì NH sẽ trả lại tiền cho KH và hạch toán:

Nợ TK 461

Có TK 4211

➤ Trường hợp tiền thừa không xác định được nguyên nhân và không có khách hàng khiếu nại sau thời gian 1 tháng thì sẽ hạch toán là :

Nợ TK 461

Có TK 790 “Thu nhập khác”

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN KHÔNG SỬ DỤNG TIỀN MẶT CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI – CHI NHÁNH THỪA THIÊN HUẾ

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán thanh toán không dùng tiền mặt tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Huế.

3.1.1. Kết quả đạt được

Từ kết quả đạt được của hoạt động kinh doanh chung của Chi nhánh NHQĐ – Chi nhánh Thừa Thiên Huế thì dịch vụ thanh toán KDTM đã có những đóng góp quan trọng đáng kể. Những kết quả đó không chỉ là giá trị về mặt lợi nhuận mà còn là giá trị về mặt thương hiệu của NH.

➤ Đối với Ủy nhiệm chi: Đây là hình thức thanh toán mà được ưa chuộng nhất hiện nay tại NH. Với phạm vi thanh toán toàn quốc, thủ tục thanh toán nhanh và linh hoạt; Ủy nhiệm chi của NH đã và đang tạo dựng được niềm tin của KH, nâng cao uy tín của MB trong lĩnh vực thanh toán KDTM. Điều này đem lại cho MB nguồn lợi nhuận không nhỏ từ việc thu phí dịch vụ này.

➤ Đối với Séc thì theo quy định thì có nhiều loại, nhưng NH MB chỉ phát sinh chủ yếu là séc lĩnh tiền mặt. Tuy điều kiện kinh tế còn gặp nhiều điều không thuận lợi. nhưng NH vẫn có thể tồn tại và duy trì tốt hoạt động này trong những năm qua. Đây được coi là cả một quá trình nỗ lực của Chi nhánh cũng như của NH.

➤ Đối với hệ thống tài khoản KH: Hệ thống được mở và quản lý chặt chẽ qua hệ thống mạng nội bộ. Số lượng thẻ Active Plus và máy ATM tăng lên với tốc độ chóng mặt. Đặc biệt trong năm 2014, số thẻ ATM phát hành tăng rất nhanh từ 1901 thẻ lên đến 8.502 thẻ trong năm 2014. Đây được coi là một kết quả rất đáng mong đợi của Chi nhánh. Qua đây cho thấy rằng NH đang dần khẳng định mình hơn trong hệ thống NHTM tại Việt Nam.

➤ NH ngày càng có nhiều các hình thức thẻ hơn dành cho nhiều đối tượng khác nhau, trong đó có hình thức thẻ Bankplus giúp KH tiện dụng hơn trong sử dụng. Ngoài ra, hiện nay NH có dịch vụ thu tiền điện nước qua NH giúp cho KH ngày càng thuận tiện hơn.

➤ Về chất lượng của các hình thức thanh toán thì ngày được hoàn thiện. Tổng khối lượng và số lượng thanh toán KDTM của tất cả hình thức thanh toán qua NH tăng trưởng đều đặn qua các năm với tốc độ tương đối cao. Các phương thức thanh toán đã được đi vào nề nếp và ổn định, xử lý kịp thời mọi giao dịch thanh toán đi qua NH. Đồng thời, công tác thanh toán đã sớm được tin học hóa trong toán bộ hệ thống, đảm bảo cũng cấp số liệu nhanh chóng và chính xác. Quản lý hồ sơ một cách khoa học và an toàn, đáp ứng cho hoạt động chỉ đạo điều hành kinh doanh.

➤ Hiện nay, ngân hàng đã đa dạng hợp các thành phần đối tượng sử dụng thẻ để tiện chăm sóc khách hàng tốt hơn như phát hành thêm thẻ Bankplus, thẻ VIP thẻ dành cho sinh viên, quân nhân.

3.1.2. Những hạn chế trong thanh toán không dùng tiền mặt

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động thanh toán KDTM tại MB – chi nhánh Huế vẫn còn những hạn chế sau:

➤ Việc triển khai mở rộng phạm vi thanh toán KDTM trong dân cư còn chậm và hạn chế. Số lượng các giao dịch của hoạt động này chủ yếu tập trung ở các tổ chức kinh tế và một số bộ phận dân cư thường xuyên sử dụng dịch vụ này với số lượng rất khiêm tốn.

➤ Hình thức thanh toán KDTM chưa đa dạng, chỉ mới áp dụng 3 hình thức chủ yếu là séc, ủy nhiệm chi và thẻ ngân hàng.

➤ Chỉ mới phát hành thẻ ghi nợ nội địa mà chưa có phát hành thẻ tín dụng hoặc thẻ đặc thù cho từng lĩnh vực kinh doanh.

➤ Số lượng thẻ của NH trên địa bàn so với các NH khác vẫn còn khá khiêm tốn. Việc tăng nhanh số lượng thẻ nhưng không tương ứng với tốc độ tăng của số máy ATM tính đến năm 2014 thì số máy ATM là 9 máy làm cho lượng KH vẫn còn chờ đợi tại các máy ATM.

➤ Hiện nay, việc chuyển khoản thực hiện trên máy ATM chỉ được thực hiện cho hai tài khoản cùng hệ thống. Còn chuyển qua một tài khoản khác, hệ thống khác vẫn chưa thực hiện được. Điều này có thể tạo ra sự bất tiện cho KH khi sử dụng thẻ.

3.1.3. Nguyên nhân

❖ Nguyên nhân khách quan

➤ Tiền mặt vẫn còn là phương tiện được ưa chuộng nhất bởi tính thuận tiện của nó. Một phần là do quan điểm của người dân ở Huế nói riêng và người Việt Nam nói chung luôn thích dùng tiền mặt để tiện lợi và rõ ràng. Ngoài ra, do trình độ am hiểu công nghệ thêm thu nhập thấp khiến cho nhu cầu sử dụng cách dịch vụ này ít hơn. Hình thức thanh toán không dùng tiền mặt tại NH chỉ phổ biến cho nhóm tổ chức, doanh nghiệp và một bộ phận công chức có thu nhập cao và ổn định.

➤ Môi trường cạnh tranh ngày càng diễn ra gay gắt hơn, cũng như NH MB thì các NH khác trên địa bàn cũng tập trung vào phát triển hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt.

➤ Lợi ích mang lại từ các hoạt động này rất nhiều như lợi nhuận, các khoản thu phí từ hoạt động cung cấp dịch vụ. Ngoài ra, phát triển hoạt động này cũng chính là cách để cho các NH quảng bá thương hiệu, chiếm lĩnh thị trường. Do đó, làm cho thị phần của NH cũng bị thu hẹp hơn.

❖ Nguyên nhân chủ quan

➤ Chính sách Marketing chưa phù hợp để thu hút khách hàng, các biện pháp ưu đãi để thu hút khách hàng sử dụng dịch vụ thanh toán không sử dụng tiền mặt là chưa cao.

➤ Các hình thức thanh toán KDTM này muốn phát triển thì đòi hỏi phải có sự đầu tư lớn, chi phí cao. Đặc biệt là chi phí máy móc, chi phí đào tạo nhân viên để sử dụng thanh toán các dịch vụ đó.

➤ Dịch vụ thẻ NH hiện nay của MB vẫn chưa có các hoạt động chuyển khoản bù trừ với các NH khác, chỉ thực hiện được đối với các TK trong cùng hệ thống. Điều này làm giảm bớt sự thuận tiện của việc sử dụng thẻ.

➤ Số lượng máy ATM trên địa bàn còn ít, chủ yếu là các trung tâm lớn và một số điểm có số sử dụng dịch vụ trả lương cho nhân viên. Vì vậy, đến lúc trả lương thì hiện tượng chờ ở các trạm ATM là rất nhiều. Điều này khiến nhiều người không muốn vì thời gian bận rộn của họ.

➤ NH vẫn chưa tập trung khai thác vào đối tượng sinh viên – học sinh. Đây chính là thành phần sử dụng thẻ nhiều nhất, cũng chính là khách hàng tiềm năng trong tương lai.

3.2. Một số giải pháp đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán không dùng tiền mặt tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thừa Thiên Huế.

Để giúp cho NH MB ngày càng phát triển theo đúng xu thế của đất nước cũng như đạt được mục tiêu của NH thì em xin đưa ra một số giải pháp dựa trên những gì nghiên cứu được của đề tài.

3.2.1. Hoàn thiện và tăng cường cung ứng các phương tiện thanh toán KDTM

Thanh toán qua hình thức Ủy nhiệm chi là hình thức đang được sử dụng phổ biến nhất tại NH. Đây cũng là thế mạnh của NH. UNC vốn dĩ được ưa chuộng bởi tính an toàn và tiện lợi của nó. Tuy nhiên, những năm gần đây thì nhu cầu của KH ngày càng cao mà việc phục vụ vẫn chưa có biến chuyển tốt. Đó đó, việc hoàn thiện và tăng cường cung ứng các phương tiện thanh toán này sẽ giúp cho NH có thêm nhiều lợi nhuận hơn cũng đáp ứng tốt nhu cầu của KH hơn.

3.2.2. Tăng cường số lượng điểm giao dịch và số lượng máy ATM

Hiện nay, số lượng điểm giao dịch, phòng giao của hệ thống NHMB trên toàn quốc tuy nhiều nhưng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế tương đối hạn chế. Các phòng GD chủ yếu tập trung toàn bộ trong địa bàn thành phố mà chưa có ở các huyện, thị xã. Điều này làm cho những KH ở các huyện muốn GD và sử dụng dịch vụ của NH đều phải lên tận Thành phố để GD. Do đó dẫn đến tình trạng KH không muốn sử dụng dịch vụ của NH vì tính bất tiện này. Vậy NH nên mở rộng quy mô hoạt động sang các huyện lân cận hoặc toàn tỉnh Thừa Thiên Huế giúp cho việc phục vụ KH tốt hơn, tạo ra sự thuận tiện cho KH sử dụng và tin tưởng NH.

Tương tự với số lượng điểm GD và phòng GD thì số lượng máy ATM trên địa bàn cũng vậy. Với tình hình cạnh tranh gay gắt về chất lượng dịch vụ hiện nay thì NH cần tăng cường thêm máy ATM trên địa bàn thành phố cũng như các huyện, thị xã để tạo sự thuận tiện cho KH.

3.2.3. Tuyên truyền quảng cáo rộng rãi, tăng cường các chương trình Marketing giới thiệu về dịch vụ thanh toán KDTM

Hiện nay, có rất nhiều người dân vẫn chưa biết nhiều về các hình thức thanh toán KDTM cũng như tính thuận tiện và an toàn của nó. Vì vậy, rất đông bộ phận người dân vẫn đang trung thành với việc sử dụng phương tiện thanh toán bằng tiền mặt.

Chính vì vậy, để có thể tăng cường thêm người dân sử dụng dịch vụ thanh toán KDTM thì NH cần phải tuyên truyền quảng cáo rộng rãi hơn bằng các chính sách Marketing phù hợp. Khi mà người dân đã biết thêm về vai trò và sự tiện ích đó thì sẽ có nhu cầu nhiều hơn.

Thực tế hiện nay thì NHMB chỉ tập trung treo các pano, áp phích tập trung ở các phòng giao dịch và trụ sở chính chứ chưa có các hình thức quảng bá khác. Đặc biệt, các chương trình ưu đãi vẫn chưa kích thích được KH.

Tóm lại, NH cần đưa các chính sách khuyến mãi hơn. Đặc biệt là trong dịch vụ phát hành thẻ NH. Cần phải giảm hoặc mở miễn phí thẻ cho KH.

3.2.4. Gia tăng các tiện ích cho thẻ Active Plus

Vợi lợi thế có sẵn đó là hệ thống máy ATM hiện đại ngày càng tăng song song cùng với lượng KH sử dụng dịch vụ của NH thì NH cũng cần phải có các chính sách sao cho có thêm nhiều tiện ích hơn nhằm kích thích KH hơn ví dụ như:

➤ Thanh toán tiền cước thuê bao trả sau, mua card điện thoại của hầu hết các nhà mạng dịch vụ viễn thông hiện giờ.

➤ Thẻ ATM kết hợp với thẻ sinh viên để tiện cho sinh viên trong khâu nộp học phí hơn.

➤ Nên tập trung khai thác vào thị trường chứng khoán bởi vì thị trường chứng khoán đang ngày càng phát triển mạnh mẽ.

3.2.5. Tổ chức, đào tạo và phát triển nguồn lực

Ngoài các yêu cầu lớn về dịch vụ thì nguồn lực cũng là một vấn đề nóng cần được chú trọng, một đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, chuyên môn cao và sự phục vụ tận tình thân thiện thì vẫn được sự hài lòng của KH hơn.

Vì vậy, NH nên có các chiến lược tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn lực tốt hơn, đặc biệt là khi các dịch vụ của NH càng hiện đại hơn. Việc đào tạo tốt nguồn lực sẽ giúp cho ngân hàng hạn chế được rủi ro. Nâng cao phong cách phục vụ chuyên nghiệp giúp mọi KH luôn luôn tin tưởng vào NH hơn.

PHẦN III: KẾT LUẬN

Thanh toán là một trong những chức năng chủ yếu của hoạt động NH và có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với nền kinh tế. Hoạt động TTKDTM với các phương tiện đa dạng và được tổ chức tốt góp phần điều hòa lượng vốn trong xã hội, tiết kiệm chi phí và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, để hoạt động TTKDTM phát huy tối đa hiệu quả đối với nền kinh tế đòi hỏi các NHTM nói riêng và hệ thống NH nói chung thì việc tổ chức, đảm bảo tốt công tác kế toán thanh toán sẽ giúp chất lượng thanh toán được nâng cao thu hút mọi nguồn lực, mọi thành phần kinh tế tham gia vào quá trình thanh toán qua NH. Vì vậy, em quyết định chọn đề tài “ **Kế toán nghiệp vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Thừa Thiên Huế**” để có thể tìm hiểu về thực tiễn nghiệp vụ kế toán TTKDTM của chi nhánh. Trên cơ sở đó đóng góp một phần nhỏ trong việc truyền tải những lý thuyết về kế toán nghiệp vụ TTKDTM và thực tiễn hoạt động kế toán của NH. Nhìn chung, đề tài đã hoàn thành căn bản các mục tiêu đặt ra ban đầu. Cụ thể đề tài đã giải quyết được các vấn đề cơ bản sau:

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về NH và kế toán nghiệp vụ hình thức TTKDTM liên quan chủ yếu trong NHTM
- Tìm hiểu về tổng quan NH đồng thời đánh giá về tình hình các nguồn lực của NH như nguồn lực lao động cũng như kết quả hoạt động của chi nhánh trong 3 năm 2012 – 2014.
- Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán nghiệp vụ TTKDTM về séc, UNC và thẻ NH tại NH Thương mại Cổ phần Quân đội – chi nhánh Thừa Thiên Huế. Đồng thời, đưa ra các ví dụ nghiệp vụ minh họa cụ thể.
- Đề tài đã rút ra một số ưu điểm, hạn chế từ đó đề xuất một số ý kiến một phần để hoàn thiện công tác nghiệp vụ kế toán thanh toán tại Chi nhánh tạo điều kiện mở rộng hoạt động kinh doanh trong tiến trình hội nhập, mở cửa ngành NH.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan như khó khăn trong việc tiếp cận số liệu thực tế cũng như năng lực chuyên môn và mức độ hiểu biết của bản thân, điều kiện thời gian nên đề tài vẫn còn những hạn chế sau:

➤ Do yêu cầu bảo mật thông tin của NH nên việc tiếp cận quy trình kế toán cũng như các các phần hành kế toán còn nhiều khó khăn.

➤ Nội dung của đề tài chỉ mới phân tích thực trạng hoạt động thanh toán trong mối quan hệ với các KH khác mà chưa phân tích hoạt động thanh toán vốn giữa các NH với nhau. Bên cạnh đó, đề tài chỉ giới hạn ở phạm vi kế toán thanh toán trong nước mà chưa có điều kiện tìm hiểu các nghiệp vụ kế toán thanh toán quốc tế, nên chưa có một cái nhìn tổng quan về hoạt động thanh toán. Do đó, các biện pháp đưa ra chỉ mang tính định hướng và mang tính chủ quan, chưa có sự thẩm định qua thực tế. Em xin đề xuất một số kiến nghị để hoàn thiện nội dung của những đề tài nghiên cứu tiếp theo:

➤ Đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu thực trạng công tác kế toán nghiệp vụ các hình thức TTKDTM.

➤ Mở rộng phạm vi nghiên cứu cả về mặt thời gian, không gian và nội dung nghiên cứu như tìm hiểu về các hình thức thanh toán vốn giữa các NH, các dịch vụ ngân hàng điện tử nhằm đạt được những kết quả mang tính chính xác, khách quan và toàn diện hơn.

➤ Nếu thực hiện được những điều trên, kết quả của đề tài cao sẽ phục vụ tốt hơn yêu cầu quản lí và ra quyết định của Ban lãnh đạo NH Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thừa Thiên Huế.

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình Kế toán ngân hàng, Lê Thị Kim Liên, NXB Đại Học Huế, năm 2007.
2. TS. Ngô Ngọc Hưng, TS. Nguyễn Kim Anh, TS. Nguyễn Thị Chiến: những vấn đề cơ bản về Ngân hàng Thương mại; Học viện Ngân hàng – bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, năm 2006.
3. Các quyết định ban hành nội bộ về quy chế thanh toán của Ngân hàng Quân Đội.
4. Các trang web : <https://mbbank.com.vn/>
<http://sbv.gov.vn/>
<http://luanvan.co/>
<http://tailieu.vn/>
<http://tapchiketoan.com/>
<http://lib.hce.edu.vn/>
5. Khóa luận tốt nghiệp của SV: Nguyễn Thị Mỹ Duyên – khoa Kế Toán – Tài chính , trường Đại học Kinh tế Huế.
6. Các thông tư, quyết định của Bộ Tài chính ban hành có liên quan.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Ủy nhiệm chi (4liên)

MB
NGÂN HÀNG QUẢN ĐÓI

ỦY NHIỆM CHI
(PAYMENT ORDER)

Liên (Slip) 1:.....
Số GD (Transaction no.):.....
Mã GDV (Teller code):.....

Ngày (Date): 20/04/2015

Loại tiền (Currency): VND USD EUR Khác (Others)

Tên đơn vị chuyển tiền (Payer's name): Công Ty Bi Huế
Số tài khoản (Account no.): 503 11 000 16 015
Tại chi nhánh (At MB's branch): MB Huế Tỉnh/Thành phố (Province/City): Huế
Tên đơn vị thụ hưởng (Beneficiary's name): Công Ty Ô Tô Thống Nhất Huế
Số tài khoản (Account no.): 50 511 000 18 995
CMND/Hộ chiếu số (ID/PP no.):..... Ngày cấp (Date of issue):..... Nơi cấp (Place of issue):.....
Ngân hàng thụ hưởng (Beneficiary's Bank): MB Huế Tỉnh/Thành phố (Province/City): Huế
Số tiền bằng số (Amount in figures): 500.000.000
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm trăm triệu đồng chẵn
Nội dung (Detail):.....

ĐƠN VỊ CHUYỂN TIỀN (Payer)		NGÂN HÀNG A-MB (Bank A-MB)		NGÂN HÀNG B (Bank B)	
Kế toán trưởng (Chief Accountant)	Chủ tài khoản (Account holder)	Ngày ghi số (Settlement date):.....	Giáo dịch viên (Teller)	Ngày ghi số (Settlement date):.....	Giáo dịch viên (Teller)
<i>jm</i>			Kiểm soát (Supervisor)		Kiểm soát (Supervisor)
Nguyễn Lê Đan Thuý					

MB
NGÂN HÀNG QUẢN ĐÓI

ỦY NHIỆM CHI
(PAYMENT ORDER)

Liên (Slip) 2:.....
Số GD (Transaction no.):.....
Mã GDV (Teller code):.....

Ngày (Date): 20/04/2015

Loại tiền (Currency): VND USD EUR Khác (Others)

Tên đơn vị chuyển tiền (Payer's name): Công Ty Bi Huế
Số tài khoản (Account no.): 503 11 000 16 015
Tại chi nhánh (At MB's branch): MB Huế Tỉnh/Thành phố (Province/City): Huế
Tên đơn vị thụ hưởng (Beneficiary's name): Công Ty Ô Tô Thống Nhất Huế
Số tài khoản (Account no.): 50 511 000 18 995
CMND/Hộ chiếu số (ID/PP no.):..... Ngày cấp (Date of issue):..... Nơi cấp (Place of issue):.....
Ngân hàng thụ hưởng (Beneficiary's Bank): MB Huế Tỉnh/Thành phố (Province/City): Huế
Số tiền bằng số (Amount in figures):.....
Số tiền bằng chữ (Amount in words):.....
Nội dung (Detail):.....

ĐƠN VỊ CHUYỂN TIỀN (Payer)		NGÂN HÀNG A-MB (Bank A-MB)		NGÂN HÀNG B (Bank B)	
Kế toán trưởng (Chief Accountant)	Chủ tài khoản (Account holder)	Ngày ghi số (Settlement date):.....	Giáo dịch viên (Teller)	Ngày ghi số (Settlement date):.....	Giáo dịch viên (Teller)
			Kiểm soát (Supervisor)		Kiểm soát (Supervisor)

MB
NGÂN HÀNG QUẢN ĐÓI

ỦY NHIỆM CHI
(PAYMENT ORDER)

Liên (Slip) 3:.....
Số GD (Transaction no.):.....
Mã GDV (Teller code):.....

Ngày (Date): 20/09/2015

Loại tiền (Currency): VND USD EUR Khác (Others)

Tên đơn vị chuyển tiền (Payer's name): Công ty TNHH ABC

Số tài khoản (Account no.): 1234567890123456

Tại chi nhánh (At MB's branch): TP. HCM Tỉnh/Thành phố (Province/City): TP. HCM

Tên đơn vị thụ hưởng (Beneficiary's name): Công ty TNHH XYZ

Số tài khoản (Account no.): 9876543210987654

CMND/Hộ chiếu số (ID/PP no.): 123456789 Ngày cấp (Date of issue): 15/08/2014 Nơi cấp (Place of issue): TP. HCM

Ngân hàng thụ hưởng (Beneficiary's Bank): Ngân hàng ABC Tỉnh/Thành phố (Province/City): TP. HCM

Số tiền bằng số (Amount in figures): 1.000.000.000

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một tỷ đồng chẵn

Nội dung (Detail): Chuyển tiền

ĐƠN VỊ CHUYỂN TIỀN (Payer)		NGÂN HÀNG A-MB (Bank A-MB)		NGÂN HÀNG B (Bank B)	
Kế toán trưởng (Chief Accountant)	Chủ tài khoản (Account holder)	Ngày ghi sổ (Settlement date):	Giao dịch viên (Teller)	Ngày ghi sổ (Settlement date):	Kiểm soát (Supervisor)
			Kiểm soát (Supervisor)	Giao dịch viên (Teller)	Kiểm soát (Supervisor)

© 2015 MB

Phụ lục 2: Giấy đăng ký thông tin khách hàng kèm hợp đồng mở tài khoản



ĐĂNG KÝ THÔNG TIN KIÊM HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN
(Dành cho Khách hàng Cá nhân)

Kính gửi: **NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI**

Chi nhánh/Phòng giao dịch: Thị trấn Thuận Thành
Địa chỉ: 11 Lý Thường Kiệt

MÃ KHÁCH HÀNG	MÃ CRM
1182168	

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THUY VĨNH
 Ngày sinh: 22/12/1990 Nơi sinh: Huyện Từ Sơn - Tỉnh Thuận Thành
 Tình trạng cư trú: Người cư trú Người không cư trú
 Giới tính: Nam Nữ
 Quốc tịch 1: VIỆT NAM Quốc tịch 2: Quốc tịch 3:
 CMND Hộ chiếu Khác: Số/No: 494451665
 Ngày cấp: 13/06/2005 Nơi cấp: CA Tỉnh Thuận Thành
 Thị thực nhập cảnh (Có/không): Nơi cấp: Hiệu lực:
 Địa chỉ thường trú: 22 An Dương Vương, P. An Cựu, TP. Huế
 Nơi ở hiện tại: 22 An Dương Vương, P. An Cựu, TP. Huế
 Địa chỉ liên hệ: Email:
 Nghề nghiệp: Quản lý Ngành nghề: Chức vụ:
 Điện thoại liên hệ: Nhà riêng: 093.227.641 Di động: 093.821.375 Cơ quan:

II. TỔ CHỨC LÀ NGƯỜI GIÁM HỌ

Tên tổ chức:
 Tên viết tắt:
 Tên giao dịch Quốc tế:
 Địa chỉ trụ sở chính:
 Địa chỉ giao dịch:
 Điện thoại: Số Fax: Website:
 Giấy phép ĐKKD/hoạt động số: Mã số thuế:
 Ngày cấp: Nơi cấp:
 Tình trạng cư trú: Cư trú Không cư trú
 Loại hình doanh nghiệp: Lĩnh vực kinh doanh:
 Họ và tên người đại diện theo pháp luật:
 Chức vụ: Giới tính: Nam Nữ
 Tình trạng cư trú: Người cư trú Người không cư trú
 Quốc tịch 1: Quốc tịch 2: Quốc tịch 3:
 CMND Hộ chiếu Khác: Số/No:
 Ngày cấp: Nơi cấp:
 Địa chỉ thường trú:
 Địa chỉ liên hệ: Email:
 Điện thoại liên hệ: Nhà riêng: Di động: Cơ quan:

BM/OT/MTK/CUS/AM/MB.01-01

III. CÁ NHÂN LÀ NGƯỜI GIÁM HỘ, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT		
Họ và tên:	<input type="text"/>	
Ngày sinh:...../...../.....	Nơi sinh:.....	
Tình trạng cư trú: <input type="checkbox"/> Người cư trú <input type="checkbox"/> Người không cư trú	Giới tính: <input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ	
Quốc tịch 1: <input type="text"/>	Quốc tịch 2: <input type="text"/>	Quốc tịch 3: <input type="text"/>
<input type="checkbox"/> CMND <input type="checkbox"/> Hộ chiếu <input type="checkbox"/> Khác:.....	Số/No: <input type="text"/>	
Ngày cấp:...../...../.....	Nơi cấp:.....	
Thị thực nhập cảnh (Có/không):.....	Nơi cấp:.....	Hiệu lực:...../...../.....
Địa chỉ thường trú:		
Nơi ở hiện tại:		
Địa chỉ liên hệ:	Email:	
Nghề nghiệp:.....	Ngành nghề:.....	Chức vụ:.....
Điện thoại liên hệ: Nhà riêng:	Di động:	Cơ quan:
IV. NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN		
Theo văn bản ủy quyền Số: <input type="text"/>	Ngày:	
Hiệu lực ủy quyền (từ ngày:	đến:	
Họ và tên:	<input type="text"/>	
Ngày sinh:...../...../.....	Nơi sinh:.....	
Tình trạng cư trú: <input type="checkbox"/> Người cư trú <input type="checkbox"/> Người không cư trú	Giới tính: <input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ	
Quốc tịch 1: <input type="text"/>	Quốc tịch 2: <input type="text"/>	Quốc tịch 3: <input type="text"/>
<input type="checkbox"/> CMND <input type="checkbox"/> Hộ chiếu <input type="checkbox"/> Khác:.....	Số/No: <input type="text"/>	
Ngày cấp:...../...../.....	Nơi cấp:.....	
Thị thực nhập cảnh (Có/không):.....	Nơi cấp:.....	Hiệu lực:...../...../.....
Địa chỉ thường trú:		
Nơi ở hiện tại:		
Địa chỉ liên hệ:	Email:	
Nghề nghiệp:.....	Ngành nghề:.....	Chức vụ:.....
Điện thoại liên hệ: Nhà riêng:	Di động:	Cơ quan:
V. HỒ SƠ KÈM THEO		
Các giấy tờ kèm theo (bản chính/ bản sao):		
<input type="checkbox"/>	Đối với người cư trú là công dân Việt Nam: CMND/Hộ chiếu/Chứng minh thư ngoại giao/chứng minh thư sỹ quan quân đội còn thời hạn	
<input type="checkbox"/>	Đối với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư tại nước ngoài: Hộ chiếu và thị thực nhập cảnh/giấy chứng nhận miễn thị thực/thẻ đi lại của doanh nhân APEC/thẻ thường trú/thẻ tạm trú còn hiệu lực	
<input type="checkbox"/>	Đối với Hộ gia đình/Tổ hợp tác: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Đăng ký hoạt động/Đăng ký mã số thuế/ Số hộ khẩu của Hộ gia đình/Điều lệ hợp tác xã	
<input type="checkbox"/>	Giấy tờ chứng minh tư cách người giám hộ, đại diện theo pháp luật	
<input type="checkbox"/>	Đăng ký mẫu dấu	
<input type="checkbox"/>	Giấy ủy quyền	
<input type="checkbox"/>	Các giấy tờ liên quan khác:	

BM/OT/MTK/CUS/A1/MR.01.01

Với mọi trách nhiệm thuộc về mình, Tôi/Chúng tôi đề nghị MB mở tài khoản thanh toán cho tôi/chúng tôi với các thông tin sau đây:

VI. THÔNG TIN TÀI KHOẢN THANH TOÁN					
Loại tài khoản thanh toán: <input checked="" type="checkbox"/> Tài khoản thanh toán thông thường <input type="checkbox"/> Tài khoản tiền gửi vốn chuyên dùng <input type="checkbox"/> Tài khoản giao dịch chứng khoán <input type="checkbox"/> Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài <input type="checkbox"/> Khác:.....			Loại tiền tệ: <input checked="" type="checkbox"/> VND <input type="checkbox"/> USD <input type="checkbox"/> Khác: Hình thức sở hữu tài khoản: <input checked="" type="checkbox"/> Tài khoản thanh toán Cá nhân <input type="checkbox"/> Tài khoản thanh toán chung		
VII. MẪU CHỮ KÝ GIAO DỊCH TÀI KHOẢN					
Chủ tài khoản		Người ủy quyền/Đại diện/Giám hộ		Tổ chức là người giám hộ	
Chữ ký 1	Chữ ký 2	Chữ ký 1	Chữ ký 2	Chữ ký	Mẫu dấu
VIII. CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG					
1. Tôi/Chúng tôi cam đoan rằng mọi thông tin đưa ra tại bản Đăng ký thông tin kèm hợp đồng này đều đúng sự thật và đề nghị Ngân hàng mở tài khoản thanh toán cho tôi/chúng tôi. 2. Tôi/Chúng tôi đã đọc, hiểu rõ và đồng ý toàn bộ các quy định tại Điều khoản kèm Hợp đồng về mở, sử dụng và quản lý thông tin tài khoản thanh toán đính kèm bản Đăng ký này. 3. Tôi/Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm quản lý và sử dụng tài khoản thanh toán theo quy định của pháp luật và Điều khoản kèm Hợp đồng về mở, sử dụng và quản lý thông tin tài khoản thanh toán đính kèm bản Đăng ký này.			Ngày: 20/11/2015 Chủ tài khoản (Ký, ghi rõ họ tên) 		
			Ngày: 20/11/2015 Người đại diện/giám hộ (Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))		
IX. PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG					
Thông tin tài khoản thanh toán của Khách hàng: <input checked="" type="checkbox"/> VND 5031100015058 Loại tài khoản: Hình thức sở hữu: <input type="checkbox"/> Loại tài khoản: Hình thức sở hữu: <input type="checkbox"/> Loại tài khoản: Hình thức sở hữu:			Ngày:/...../..... Chuyên viên tư vấn (Ký, ghi rõ họ tên) NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI (Ký và đóng dấu)		

ĐIỀU KHOẢN KIỂM HỢP ĐỒNG VỀ MỞ, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ THÔNG TIN TÀI KHOẢN THANH TOÁN

Điều khoản kiểm Hợp đồng về mở, sử dụng và quản lý thông tin Tài khoản thanh toán này áp dụng đối với việc mở, sử dụng và quản lý Tài khoản thanh toán (sau đây gọi là "TKTT") của Khách hàng là cá nhân tại MB.

Điều 1: Các quy định về mở, sử dụng và quản lý TKTT

1. Đối tượng tham gia

- Người từ đủ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- Người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, có tài sản riêng bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong việc mở TKTT;
- Người chưa đủ 15 tuổi, người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi không có tài sản riêng bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong việc mở TKTT, người mất năng lực hành vi dân sự, người hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam mở TKTT thông qua người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật.

2. Sử dụng TKTT

- Chủ tài khoản được sử dụng TKTT để nộp, rút tiền mặt và yêu cầu MB cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản như: cung ứng phương tiện thanh toán, thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, thư tín dụng, chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ gia tăng khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- Việc sử dụng TKTT của cá nhân là người chưa đủ 15 tuổi, người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không có tài sản riêng, người hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự phải được thực hiện thông qua người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật. Người giám hộ, người đại diện theo pháp luật thực hiện các giao dịch thanh toán thông qua TKTT của người được giám hộ hoặc người mà mình làm đại diện theo quy định của pháp luật dân sự về giám hộ và đại diện.
- Chủ TKTT là cá nhân từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi khi sử dụng TKTT phải có tài sản riêng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật dân sự.
- Việc sử dụng tài khoản được thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, các quy định của cơ quan có thẩm quyền, của MB và yêu cầu của chủ tài khoản.
- Trong mọi trường hợp, chủ tài khoản mặc nhiên chấp thuận tất cả các giao dịch ghi "Có" vào tài khoản.

3. Ủy quyền trong sử dụng TKTT

- Chủ tài khoản được ủy quyền cho người khác sử dụng TKTT của mình. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản theo quy định của pháp luật và của MB trong từng thời kỳ, kèm bản đăng ký mẫu chữ ký và bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn của người được ủy quyền (trường hợp bản sao không có chứng thực thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu theo quy định của MB)". Người được ủy quyền có quyền hạn và nghĩa vụ như chủ tài khoản trong phạm vi được ủy quyền và không được ủy quyền lại cho người thứ 3.
- Từng chủ TKTT chung có thể ủy quyền cho người khác thay mặt mình sử dụng TKTT chung nhưng phải được sự đồng ý bằng văn bản của tất cả các chủ tài khoản chung còn lại.

4. Chủ sở hữu TKTT chung

- TKTT có thể có từ 02 (hai) đến 03 (ba) chủ tài khoản khi có thỏa thuận (hoặc hợp đồng) quản lý và sử dụng TKTT chung giữa các chủ tài khoản, theo quyết định hoặc yêu cầu bằng văn bản hoặc các trường hợp khác do pháp luật quy định.

- Các chủ TKTT chung có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với TKTT chung và việc sử dụng TKTT chung phải được sự chấp thuận của tất cả các chủ tài khoản. Mỗi chủ tài khoản phải chịu trách nhiệm thanh toán cho toàn bộ các nghĩa vụ nợ phát sinh từ việc sử dụng TKTT chung;

- Khi đăng ký mở TKTT chung, các chủ tài khoản chung phải trực tiếp đến làm thủ tục tại MB. Các yêu cầu về việc sử dụng và quản lý TKTT chung phải được tất cả các chủ tài khoản cùng đưa ra, trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa các chủ tài khoản chung được Ngân hàng chấp thuận.

- Khi một trong các chủ thể đứng tên mở TKTT chung là cá nhân bị chết, bị tuyên bố là đã chết, bị tuyên bố mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, hoặc tổ chức bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật thì quyền sử dụng tài khoản và nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng TKTT chung được giải quyết theo quy định của pháp luật và MB.

5. Sử dụng các dịch vụ TKTT

- Việc sử dụng các dịch vụ tài khoản theo quy định của MB và yêu cầu của chủ tài khoản phù hợp quy định pháp luật.
- Khách hàng đồng ý tiếp nhận những thông tin cập nhật của MB, bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin quảng cáo và giới thiệu sản phẩm, dịch vụ MB dưới các hình thức như SMS, email, fax... và tại mọi thời điểm đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về gửi thư điện tử, tin nhắn quảng cáo đối với tổ chức, cá nhân.

6. Tạm khóa TKTT

- MB thực hiện tạm khóa TKTT của khách hàng (tạm dừng giao dịch) một phần hoặc toàn bộ số tiền trên TKTT khi có văn bản yêu cầu của chủ tài khoản (hoặc người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản) hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa chủ tài khoản với Ngân hàng.
- MB có quyền từ chối yêu cầu tạm khóa TKTT trong trường hợp chủ tài khoản chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo quyết định cưỡng chế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chưa thanh toán xong các khoản nợ phải trả cho MB.
- Việc chấm dứt tạm khóa TKTT và việc xử lý các lệnh thanh toán đi, đến trong thời gian tạm khóa thực hiện theo yêu cầu của chủ TKTT (hoặc người giám hộ, người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản) hoặc theo văn bản thỏa thuận giữa chủ tài khoản với MB.

7. Phong tỏa TKTT

MB thực hiện phong tỏa một phần hoặc toàn bộ số tiền trên TKTT của khách hàng trong các trường hợp sau:

- Có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- MB phát hiện thấy có nhầm lẫn, sai sót khi ghi Có nhầm vào TKTT của Khách hàng hoặc theo yêu cầu hoàn trả lại tiền của Ngân hàng chuyển tiền, số tiền bị phong tỏa trên TKTT không vượt quá với số tiền trên lệnh chuyển tiền bị sai sót, nhầm lẫn.
- MB phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến TKTT;

BM/QT/MTK/CUS/A1/MB.01-01

- Có thông báo bằng văn bản của một trong các chủ tài khoản về việc phát sinh tranh chấp về TKTT chung giữa các chủ TKTT chung.

- Trường hợp TKTT bị phong tỏa một phần, Khách hàng được sử dụng bình thường phần tài khoản thanh toán không bị phong tỏa.

8. Đóng tài khoản

Tài khoản của Khách hàng được đóng trong các trường hợp sau:

- Có văn bản yêu cầu đóng TKTT của chủ tài khoản và chủ tài khoản đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến TKTT. Trường hợp chủ tài khoản là người chưa đủ 15 tuổi, người từ đủ 15 tuổi đến 18 tuổi không có tài sản riêng, người hạn chế năng lực hành vi dân sự, người mất năng lực hành vi dân sự thì việc đóng tài khoản được thực hiện theo yêu cầu của người giám hộ, người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản;

- Chủ TKTT là cá nhân bị chết, bị tuyên bố là đã chết, bị mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự;

- Chủ tài khoản vi phạm cam kết hoặc các thỏa thuận tại hợp đồng về mở và sử dụng TKTT với MB;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Khi tài khoản không duy trì đủ số dư tối thiểu và không phát sinh giao dịch trong thời hạn nhất định theo quy định của MB: MB được quyền quyết định việc đóng TKTT theo thông báo của Tổng Giám đốc MB từng thời kỳ. MB sẽ thông báo trước cho chủ tài khoản hoặc niêm yết công khai về thời hạn thông báo cho chủ tài khoản trước khi đóng tài khoản, cách thức xử lý số dư trên TKTT và các vấn đề cụ thể khác liên quan đến việc đóng tài khoản thanh toán trong trường hợp này.

- MB có quyền từ chối yêu cầu đóng TKTT trong trường hợp chủ tài khoản chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo quyết định cưỡng chế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chưa thanh toán xong các khoản nợ phải trả cho MB.

Số dư còn lại sau khi đóng TKTT được xử lý như sau:

- Chi trả theo yêu cầu của chủ tài khoản, người giám hộ, người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản (trường hợp chủ tài khoản là người chưa đủ 15 tuổi, người từ đủ 15 tuổi đến 18 tuổi không có tài sản riêng, người hạn chế năng lực hành vi dân sự, người mất năng lực hành vi dân sự) hoặc người được thừa kế, đại diện thừa kế trong trường hợp chủ TKTT là cá nhân bị chết, bị tuyên bố là đã chết, mất tích;

- Chi trả theo quyết định của tòa án;

- MB xử lý theo quy định của pháp luật đối với trường hợp người thụ hưởng hợp pháp số dư trên tài khoản đã được thông báo mà không đến nhận hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản với chủ tài khoản, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- Sau khi đóng TKTT, khách hàng muốn sử dụng TKTT phải làm thủ tục mở TKTT theo quy định tại của pháp luật và MB.

Điều 2: Quyền và trách nhiệm của chủ tài khoản

1. Quyền của chủ tài khoản

- Chủ tài khoản có quyền sử dụng TKTT của mình để nộp, rút tiền mặt và yêu cầu MB thực hiện các giao dịch thanh toán hợp lệ. Chủ TKTT được MB tạo điều kiện để sử dụng TKTT của mình thuận tiện và an toàn;

- Được lựa chọn sử dụng các phương tiện thanh toán, dịch vụ và tiện ích thanh toán do MB cung ứng;

- Được yêu cầu MB thực hiện các lệnh thanh toán phát sinh hợp pháp, hợp lệ trong phạm vi số dư có và hạn mức thấu chi (nếu

được phép), được ủy quyền cho người khác sử dụng TKTT theo quy định.

- Được yêu cầu cung cấp thông tin về những giao dịch thanh toán và số dư trên TKTT của mình theo thỏa thuận với MB.

- Được yêu cầu MB tạm khóa, thay đổi cách thức sử dụng TKTT, đóng TKTT khi cần thiết và phù hợp quy định pháp luật.

- Được hưởng lãi suất không kỳ hạn cho số tiền trên TKTT theo mức lãi suất do MB quy định và niêm yết công khai tùy theo đặc điểm của TKTT, số dư tài khoản và phù hợp với cơ chế quản lý lãi suất của NHNN ban hành trong từng thời kỳ.

2. Trách nhiệm của chủ tài khoản

- Khách hàng có trách nhiệm kê khai chính xác, đúng sự thật các yếu tố trong bộ hồ sơ mở TKTT, phải chịu trách nhiệm về các thông tin đã đăng ký trong hồ sơ mở TKTT và phải thông báo ngay với CN/PGD của MB (nơi mở TKTT) nếu có thay đổi các thông tin trên.

- Tự quản lý chữ ký, con dấu, các chứng từ có giá trị giao dịch TKTT (séc, ủy nhiệm chi, giấy lĩnh tiền...) và chịu trách nhiệm trong trường hợp chữ ký và/hoặc con dấu, chứng từ có giá trị giao dịch tài khoản bị mất, bị lợi dụng, tài liệu, hồ sơ mở TKTT và sử dụng TKTT bị giả mạo hoặc có phát sinh tranh chấp với bên thứ ba.

- Đảm bảo có đủ tiền trên TKTT để thực hiện các lệnh thanh toán đã lập. Chịu trách nhiệm về việc chi trả vượt quá số dư có trên TKTT trừ trường hợp đã có thỏa thuận thấu chi với MB. Duy trì số dư tối thiểu trên TKTT theo quy định của MB.

- Tuân thủ các hướng dẫn của MB về việc lập các lệnh thanh toán và sử dụng phương tiện thanh toán qua TKTT; sử dụng, luân chuyển, lưu trữ chứng từ giao dịch; đảm bảo các biện pháp an toàn trong thanh toán do MB quy định. Chịu những sai sót hay hành vi lợi dụng, lừa đảo khi sử dụng dịch vụ thanh toán qua tài khoản do lỗi của mình.

- Đối với các giao dịch thực hiện bằng phương tiện điện tử, khách hàng nhận thức đầy đủ các rủi ro có thể gặp phải khi sử dụng dịch vụ, cam kết các hoạt động diễn ra do chứng từ điện tử của mình lập khớp đúng với quy định và chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra do vô tình hay cố ý để lộ chữ ký điện tử, dẫn đến bị kẻ gian lợi dụng.

- Thông báo kịp thời với MB khi phát hiện thấy sai sót, nhầm lẫn trên tài khoản của mình hoặc TKTT của mình bị lợi dụng. Chịu trách nhiệm về những thiệt hại do sai sót hoặc bị lợi dụng, lừa đảo khi sử dụng dịch vụ thanh toán qua TKTT mà do lỗi của mình.

- Hoàn trả hoặc phối hợp với MB hoàn trả các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn đã ghi Có vào TKTT của mình.

- Cung cấp thông tin chính xác khi yêu cầu sử dụng dịch vụ thanh toán hoặc trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán của TKTT.

- Không được cho thuê, cho mượn TKTT, hoặc sử dụng TKTT của mình cho các giao dịch thanh toán đối với những khoản tiền nhằm mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận hoặc có bằng chứng về nguồn gốc bất hợp pháp.

- Bất kỳ yêu cầu nào của chủ tài khoản liên quan đến việc mở và sử dụng tài khoản phải được thực hiện bằng văn bản hoặc bằng hình thức được pháp luật cho phép hoặc do hai bên thỏa thuận, Khách hàng chịu toàn bộ về những thiệt hại phát sinh do việc thực hiện theo các yêu cầu của chủ tài khoản không thực hiện thông qua hình thức này.

Điều 3: Quyền và trách nhiệm của MB

1. Quyền của MB

- Được chủ động trích nợ tài khoản của Khách hàng trong các trường hợp sau: Các khoản nợ đến hạn, quá hạn, tiền lãi, các khoản lãi, chi phí hợp lệ khác thuộc nghĩa vụ thanh toán của Khách hàng, phát sinh trong quá trình MB quản lý TKTT và cung ứng các dịch vụ thanh toán theo quy định; Các nghĩa vụ thanh toán theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền buộc chủ tài khoản phải thanh toán; Để điều chỉnh các mục bị hạch toán sai, hạch toán không đúng bản chất hoặc không phù hợp với nội dung sử dụng TKTT; Khi phát hiện đã ghi Có nhầm vào TKTT của Khách hàng hoặc theo yêu cầu hủy lệnh chuyển Có của Ngân hàng chuyển tiền do phát hiện thấy sai sót; Các trường hợp khác theo thỏa thuận của MB và Khách hàng.

- Có quyền dừng hoặc từ chối thực hiện các giao dịch tài khoản của Khách hàng (từ chối ghi nợ, ghi có tài khoản của Khách hàng) trong các trường hợp sau: Khách hàng không thực hiện đầy đủ các yêu cầu về thủ tục thanh toán, lệnh thanh toán không hợp lệ, không khớp đúng với các yếu tố đã đăng ký hoặc không phù hợp với các thỏa thuận giữa MB và Khách hàng; Khách hàng không có đủ số dư trên tài khoản đảm bảo cho việc thực hiện các lệnh thanh toán nếu không có thỏa thuận thấu chi trước với MB; Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thuộc trường hợp giao dịch đáng ngờ hoặc có dấu hiệu/ nguy cơ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, hoạt động cấm vận hay nơi bị cấm vận của Liên Hiệp Quốc/quốc gia, tổ chức/vùng lãnh thổ; TKTT đang bị tạm khóa, bị phong tỏa toàn bộ hoặc TKTT đang bị đóng, TKTT bị tạm khóa hoặc phong tỏa một phần mà phần không bị tạm khóa, phong tỏa không có đủ số dư (trừ trường hợp được thấu chi) hoặc vượt hạn mức thấu chi để thực hiện các lệnh thanh toán.

2. Trách nhiệm của MB

- Hướng dẫn khách hàng thực hiện đúng các quy định về lập hồ sơ mở tài khoản, lập chứng từ giao dịch và các quy định có liên quan trong việc sử dụng tài khoản. MB có trách nhiệm phát hiện và điều chỉnh kịp thời các tài khoản mở sai hoặc sử dụng chưa chính xác.

- Đảm bảo bí mật các thông tin liên quan đến TKTT và giao dịch trên TKTT của chủ tài khoản theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các lệnh thanh toán hợp lệ, các yêu cầu sử dụng TKTT của Khách hàng phù hợp với quy định hoặc thỏa thuận giữa MB và Khách hàng. Kiểm soát các lệnh thanh toán của Khách hàng, đảm bảo lập đúng thủ tục quy định, hợp pháp, hợp lệ và khớp đúng với các yếu tố đã đăng ký. Thông báo cho chủ tài khoản lý do từ chối thực hiện lệnh thanh toán không hợp lệ của chủ tài khoản, hoặc khi trên tài khoản thanh toán không đủ tiền.

- Cung ứng đầy đủ, kịp thời các loại dịch vụ, phương tiện thanh toán cần thiết phục vụ nhu cầu giao dịch của Khách hàng qua MB.

- Thực hiện hạch toán theo các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên cơ sở các chứng từ kế toán hợp pháp, hợp lệ nhận được. Điều chỉnh các khoản mục bị hạch toán sai, hạch toán không đúng bản chất hoặc không phù hợp với nội dung sử dụng của TKTT theo quy định.

- Thông tin kịp thời về những giao dịch thanh toán và gửi trả kịp thời, đầy đủ giấy báo Nợ, báo Có, bản sao số tài khoản, giấy báo số dư TKTT cho Khách hàng theo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu. Các thông báo liên quan đến việc sử dụng TKTT chung phải được Ngân hàng gửi đến tất cả các chủ tài khoản, trừ trường hợp

giữa ngân hàng và các chủ TKTT chung có thỏa thuận khác.

- Trường hợp phong tỏa TKTT, thông báo bằng văn bản cho chủ tài khoản (hoặc người giám hộ, đại diện hợp pháp của chủ tài khoản) biết về lý do và phạm vi phong tỏa TKTT ngay sau khi thực hiện phong tỏa, bảo toàn và kiểm soát chặt chẽ số tiền phong tỏa trên TKTT theo nội dung phong.

- Bảo quản, lưu trữ hồ sơ mở tài khoản và các chứng từ giao dịch qua tài khoản theo đúng cách thức và thời hạn do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.

- Chịu trách nhiệm về những thiệt hại, vi phạm, lợi dụng trên tài khoản của Khách hàng do lỗi của MB.

- Tuân thủ quy định pháp luật về phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố.

Điều 4: Quy định về phí dịch vụ

- Phí dịch vụ là các khoản phí Khách hàng phải trả khi sử dụng dịch vụ TKTT do MB cung cấp. Biểu phí dịch vụ được MB cung cấp trong từng thời kỳ và được thông báo công khai trên website của MB, các phương tiện thông tin đại chúng hoặc niêm yết công khai tại địa chỉ giao dịch của MB.

- Thời điểm cung cấp dịch vụ là thời điểm TKTT của Khách hàng được kích hoạt và sẵn sàng hoạt động.

- Thời hạn cung cấp dịch vụ tính từ thời điểm cung cấp dịch vụ cho đến khi TKTT của Khách hàng bị đóng.

Điều 5: Giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm

- Các quy định liên quan đến việc sử dụng dịch vụ được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.

- Các bên có trách nhiệm tuân thủ các điều khoản về mở và sử dụng TKTT này, các quy định pháp luật khác có liên quan và các thỏa thuận đã có giữa các bên. Cá nhân có hành vi vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị phạt, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây thiệt hại phải bồi thường. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp mà không giải quyết được thông qua thương lượng thì tranh chấp đó sẽ do Tòa án nơi Ngân hàng có trụ sở chính giải quyết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.


Điều 6: Thời hạn hiệu lực và chấm dứt quy định

- Trong trường hợp có sự thay đổi về phí dịch vụ và/hoặc bất kỳ điều khoản nào về quản lý và sử dụng TKTT, MB sẽ thông báo công khai trên website của MB, các phương tiện thông tin đại chúng hoặc niêm yết công khai tại địa chỉ giao dịch của MB. Trường hợp Khách hàng vẫn tiếp tục thực hiện các giao dịch tại MB sau thời gian MB thông báo thì mặc nhiên được coi là Khách hàng đồng ý với việc thay đổi phí dịch vụ và/hoặc các điều khoản về quản lý và sử dụng TKTT. Các sửa đổi, bổ sung đó là một phần không tách rời của Điều khoản về mở, sử dụng và quản lý tài khoản thanh toán này. Các bên có trách nhiệm tuân theo các sửa đổi và bổ sung đó. Tất cả các thay đổi này được xem như khách hàng đã nhận vào ngày công bố trên Website của MB hoặc MB thực hiện thông báo theo các hình thức khác.

- Điều khoản kiểm hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi các bên có thỏa thuận khác về việc chấm dứt sử dụng dịch vụ.

- Đăng ký thông tin kiểm hợp đồng mở tài khoản thanh toán được lập thành 02 bản chính có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 01 bản chính, chủ tài khoản/các chủ TKTT chung giữ 01 bản chính.

Phụ lục 3: Bảng kê nộp tiền các loại



GIẤY NỘP TIỀN
(DEPOSIT SLIP)

Ngày (Date): 11 / 04 / 2015
Giờ (Time):

Liên (Slip): 1 Số (Ref no):

Số GD (Transaction no.):

Mã GDV (Teller code):

Số tiền bằng số (Amount in figures):

Số tiền bằng chữ (Amount in words):

Phần dành cho Ngân hàng (For bank use only):

Tài khoản ghi có (Credit account):

Số tài khoản (Account no.):

Loại tiền (Currency): VND USD EUR Khác (Others)

Thông tin đơn vị/người nộp tiền (Depositor):

Tên đơn vị nộp (Depositor's name):

Người nộp (Depositor's name): Nguyễn Thị Thủy Vinh Điện thoại (Phone no.): 0988821575

CMND/Hộ chiếu số (ID/PP no.): 13.115.1.865 Ngày cấp (Date of issue):

Địa chỉ (Address): 22 An Dương Vương - TP Huế Nơi cấp (Place of issue):

Thông tin đơn vị/người nhận tiền (Beneficiary):

Tên đơn vị nhận (Receiver's name):

Số tài khoản (Account no.):

Tại ngân hàng (At bank): Tỉnh/TP (Province/City):

CMND/Hộ chiếu số (ID/PP no.): Ngày cấp (Date of issue):

Địa chỉ (Address): Nơi cấp (Place of issue):

Nội dung (Detail):
Nộp tiền vào TK.

BẢNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN NỘP
(LIST OF CURRENCY)

Mệnh giá (Denomination)	Số lượng (Quantity)	Thành tiền (Amount)
50.000	01	50.000
Bù trừ (Clearing)		
Tổng (Total):		01 50.000

Người nộp tiền (Depositor)
[Signature]


Giao dịch viên (Teller)
[Signature]

Kiểm ngân (Cashier)

Kiểm soát (Supervisor)

(Khách hàng kiểm tra thông tin trước khi ký/Please check details before signing)

Phụ lục 4: Bảng kê nộp tiền các loại



GIẤY NỘP TIỀN
(DEPOSIT SLIP)

Ngày (Date): 11 / 04 / 2015
Giờ (Time):

Liên (Slip): 2 Số (Ref no):

Số GD (Transaction no.):

Mã GDV (Teller code):

Số tiền bằng số (Amount in figures):

Số tiền bằng chữ (Amount in words):

Phần dành cho Ngân hàng (For bank use only):

Tài khoản ghi có (Credit account):

Số tài khoản (Account no.):

Loại tiền (Currency): VND USD EUR Khác (Others)

Thông tin đơn vị/người nộp tiền (Depositor):

Tên đơn vị nộp (Depositor's name): Nguyễn Thị Thủy Vinh

Người nộp (Depositor's name): Điện thoại (Phone no.): 0988821575

CMND/Hộ chiếu số (ID/PP no.): Ngày cấp (Date of issue):

Địa chỉ (Address): 22 An Dương Vương - TP Huế Nơi cấp (Place of issue):

Thông tin đơn vị/người nhận tiền (Beneficiary):

Tên đơn vị nhận (Receiver's name):

Số tài khoản (Account no.):

Tại ngân hàng (At bank): Tỉnh/TP (Province/City):

CMND/Hộ chiếu số (ID/PP no.): Ngày cấp (Date of issue):

Địa chỉ (Address):

Nội dung (Detail):
Nộp tiền phát hành thẻ?

BẢNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN NỘP
(LIST OF CURRENCY)

Mệnh giá (Denomination)	Số lượng (Quantity)	Thành tiền (Amount)
50.000	01	50.000
5.000	01	5.000
Bù trừ (Clearing)		
Tổng (Total):		55.000

Người nộp tiền (Depositor)
[Signature]

Giao dịch viên (Teller)
[Signature]

Kiểm ngân (Cashier)

Kiểm soát (Supervisor)

(Khách hàng kiểm tra thông tin trước khi ký/Please check details before signing)